

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ : 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SĐT : (08) 3940 4271 /125

Fax : (08) 3940 4711

Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Website : www.vitranschart.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014



NỘI DUNG

4 PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
Định hướng phát triển
Các rủi ro

21 PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

42 PHẦN III: BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Kế hoạch phát triển trong tương lai

55 PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá về hoạt động Ban Giám đốc
Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

61 PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị
Ban Kiểm soát
Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS
Thông tin về cổ phần và cổ đông

76 PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Kính thưa Quý vị!

Thị trường vận tải biển đã suy giảm 6 năm liên tiếp kể từ cuối năm 2008 khi phải chịu ảnh hưởng nặng nề khủng hoảng kinh tế và đang trong tình trạng phục hồi chậm chạp. Năm 2014, một năm tiếp tục đặt ra với đầy thử thách cho ngành vận tải biển nói chung và cho công ty nói riêng khi tình trạng cung vượt cầu vẫn chưa kết thúc, giá cước vận tải biển bình quân tiếp tục suy giảm xuống các mức thấp hơn so với năm 2013. Các doanh nghiệp trong ngành đều phải đối mặt tình trạng thời gian phi sản xuất tăng, thu không đủ bù chi, thua lỗ tiếp diễn. Nhiều doanh nghiệp vận tải biển tiếp tục phá sản hoặc phải bán tháo tài sản để tồn tại do phải gánh nhiều khoản nợ lớn.



Với bề dày kinh nghiệm của mình, quyết tâm cao cùng sự chung sức, đồng lòng, lãnh đạo Công ty và toàn thể cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty vẫn hăng hái thi đua yêu nước, đưa ra nhiều nhóm giải pháp hạn chế đến thấp nhất tác động xấu đến công ty trong bối cảnh khó khăn bủa vây, phấn đấu đạt kết quả cao nhất theo kế hoạch đã đề ra. Dù vậy, do chịu ảnh hưởng quá nặng nề từ thị trường vận tải biển thế giới, nên kết quả kinh doanh của Công ty năm 2014 vẫn lỗ. Tổng quan về kết quả kinh doanh như sau:

- **Số lượng vận chuyển** : 1.687.083 tấn
- **Số lượng luân chuyển** : 11,66 tỷ TKm
- **Doanh thu** : 1.073 tỷ VNĐ
- **Lợi nhuận** : (158,75) tỷ VNĐ

Có thể nói kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 vẫn chưa tốt, nhưng so với năm 2013 thì đã có sự cải thiện tích cực khi đã giảm lỗ hơn 32 tỷ đồng. Công ty đã giữ an toàn cho đội tàu, nỗ lực hết sức mình để cố gắng duy trì sản xuất chính, sản xuất phụ, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2015, dự báo các khó khăn vẫn chưa dứt khi tình trạng mất cân bằng cung cầu vẫn còn từ việc đầu tư ở ạt những năm qua. Không những thế, thị trường cước 2015 dự báo vẫn còn ở mức thấp và chưa thể hồi phục thật sự. Tuy nhiên, sự sụt giảm mạnh của giá dầu DO và FO từ cuối năm 2014 sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho công ty tiếp tục thực hiện chính sách triệt để tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí, nhằm tiếp tục hạn chế mức thua lỗ so với năm qua.

Ngoài ra, với sự hỗ trợ của Chính phủ, Bộ giao thông vận tải, Vinalines, Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại, Công ty đã cơ cấu được nợ, giảm bớt áp lực về tài chính. Chính những nhân tố này đã giúp Công ty vượt qua những khó khăn trước mắt, và có những nền tảng để tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty sẽ luôn không ngừng nỗ lực để mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, đối tác và cổ đông của Công ty. Với những kinh nghiệm vượt khó của những năm qua, năm 2015 được kỳ vọng sẽ bớt khó khăn hơn và kết quả kinh doanh sẽ khả quan hơn so với năm 2014.

Xin thay mặt Hội đồng Quản trị và toàn thể cán bộ, nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý vị đối với Ban Lãnh đạo Công ty. Xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Trân trọng kính chào!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Huỳnh Hồng Vũ



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Thông tin về mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam
- Tên giao dịch quốc tế : Viet Nam Transport and Chartering Joint Stock Company
- Logo doanh nghiệp : 
- Giấy CNĐKKD : Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, cấp lại lần thứ 6 ngày 17 tháng 07 năm 2012 với mã doanh nghiệp là 0300447809
- Vốn điều lệ : 589.993.370.000 VNĐ (Năm trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)
- Vốn chủ sở hữu : 305.572.189.546 VNĐ (Ba trăm lẻ năm tỷ, năm trăm bảy mươi hai triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng)
- Địa chỉ : 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
- Số điện thoại : (08) 3940 4271/125
- Số fax : (08) 3940 4711
- Website : www.vitranschart.com.vn
- Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn
- Mã cổ phiếu : VST



NHỮNG THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Quyết định số 822/QĐ-CTN ngày 30/05/2011, Chủ tịch Nước CHXHCN VN đã “Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì” cho Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006 đến năm 2010, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Quyết định số 3062/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2011, Bộ trưởng Bộ GTVT đã “Tặng Cờ Thi đua xuất sắc năm 2011” của Bộ Giao thông Vận tải cho Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Giao thông vận tải năm 2011.



Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng ba, Quyết định số 97/QĐ-CTN ngày 22/01/2008 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, củng cố quốc phòng từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Huân chương Lao động Hạng ba, Quyết định số 1423/2007/QĐ-CTN ngày 21/11/2007 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2014

Quỹ khuyến học Vitranschart



Hội nghị Người lao động 2014



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH LẬP

1975

Theo quyết định số 16 VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải quyết định thành lập Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam.

QUỐC HỮU HÓA

1976

Theo quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xí nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam.

HỢP NHẤT

1984

Công ty Vận tải và thuê tàu biển “Transchart” và “Công ty Vận tải biển Sovosco” được hợp nhất thành Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo Quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Giao thông vận tải

TÁI THÀNH LẬP

1993

Bộ Giao thông vận tải đã ban hành về việc thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ có tên giao dịch quốc tế là: Vietnam Sea Transport and Chartering Company (VITRANSCHART)

CỔ PHẦN HÓA

2007

Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập và tên chính thức là Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam - Tên viết tắt là Vitranschart JSC.

NIÊM YẾT VÀ GIAO DỊCH LẦN ĐẦU TIÊN

2009

Ngày 20/02/2009, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận niêm yết số 14/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty được niêm yết 40 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và mã cổ phiếu VST chính thức được giao dịch vào ngày 26/02/2009.

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

2010

Công ty tăng vốn điều lệ lên 589.993.370.000 đồng để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.

ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN

2011

– nay

Công ty tập trung mọi nguồn lực để ổn định và vượt qua những khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



ĐẠI LÝ TÀU BIỂN

Cùng với các mạng lưới chi nhánh trên toàn quốc, Công ty cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển có hiệu quả tới khách hàng tại tất cả các cảng ở Việt Nam.



SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG TÀU (SSR LTD)

Công ty cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và cung cấp các thiết bị máy móc cho hệ thống tàu biển gồm: máy chính, động cơ diesel và máy phụ như máy nén không khí, thiết bị tời neo, trục quay, thiết bị làm hàng, trục chân vịt, các loại máy bơm, hàn mặt boong, đáy, mạn, gỗ rĩ và sơn tàu, v.v...

KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN

Đây là lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Công ty, chuyên khai thác vận tải biển. Tính đến 2012, hệ thống đội tàu vận tải của Công ty đã phủ rộng khắp thế giới. Các mặt hàng Công ty hay chuyên chở bao gồm hàng rời và bao kiện, hàng nông sản, bột giấy, thiết bị, lúa mì, gạo, đường, than đá, quặng, sắt, thép và các nguyên liệu, thành phẩm, sản phẩm khác.



SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG TÀU BIỂN

Hiện Công ty đang khai thác hơn 30.000m2 kho bãi tại khu công nghiệp Nhơn Bình, Bình Định. Đáp ứng phần nào nhu cầu của khách hàng xuất nhập khẩu qua cảng Quy Nhơn.





CUNG ỨNG DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU (PDIMEX JSC)

- Nhập khẩu nguyên vật liệu: thạch cao, xỉ cát, v.v... phục vụ sản xuất xi măng cung cấp cho các Nhà máy xi măng khu vực phía Bắc và phía Nam từ nhiều nguồn khác nhau như Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản, v.v...
- Cung cấp đá Pozzolan cho các Nhà máy xi măng.
- Vận chuyển clinker cho các Nhà máy xi măng tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh.
- Cung ứng các dịch vụ hàng hải phục vụ cho các đội tàu trong và ngoài nước gồm:
 - + Cung ứng vật tư cho tàu.
 - + Sửa chữa và bảo dưỡng phao bể cứu sinh.
 - + Gõ rỉ sơn và vệ sinh công nghiệp tàu.

MÔI GIỚI VÀ CUNG ỨNG XUẤT KHẨU THUYỀN VIÊN (SCC)

Tuyển dụng, đào tạo và cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho đội tàu Công ty, các chủ tàu trên toàn thế giới. Ngoài ra, Công ty còn làm đại lý, môi giới thuyền viên cho các tàu trong và ngoài nước.

Hơn 1.050 thuyền viên có kinh nghiệm của Công ty đã và đang làm việc cho đội tàu của chính Công ty, các Công ty khác trong và ngoài nước như: Nhật Bản, Hy Lạp, Nga, Đài Loan và Hồng Kông.



Các khu vực các tuyến hoạt động chủ yếu trong từ năm 2012 - 2014

Tuyến	2012	2013	2014
Nam Mỹ - Đông Nam Á	20%	22%	26%
Nam Mỹ - Tây phi	21%	24%	19%
Khu vực Đông Nam Á	13%	14%	20%
Đông Nam Á/Tây phi	24%	20%	21%
Khác	22%	22%	14%
Tổng cộng	100%	100%	100%

Sơ bộ những thay đổi, biến động lớn trong năm của các mảng

Chiến lược kinh doanh-thị trường: Duy trì thị trường và khách hàng truyền thống

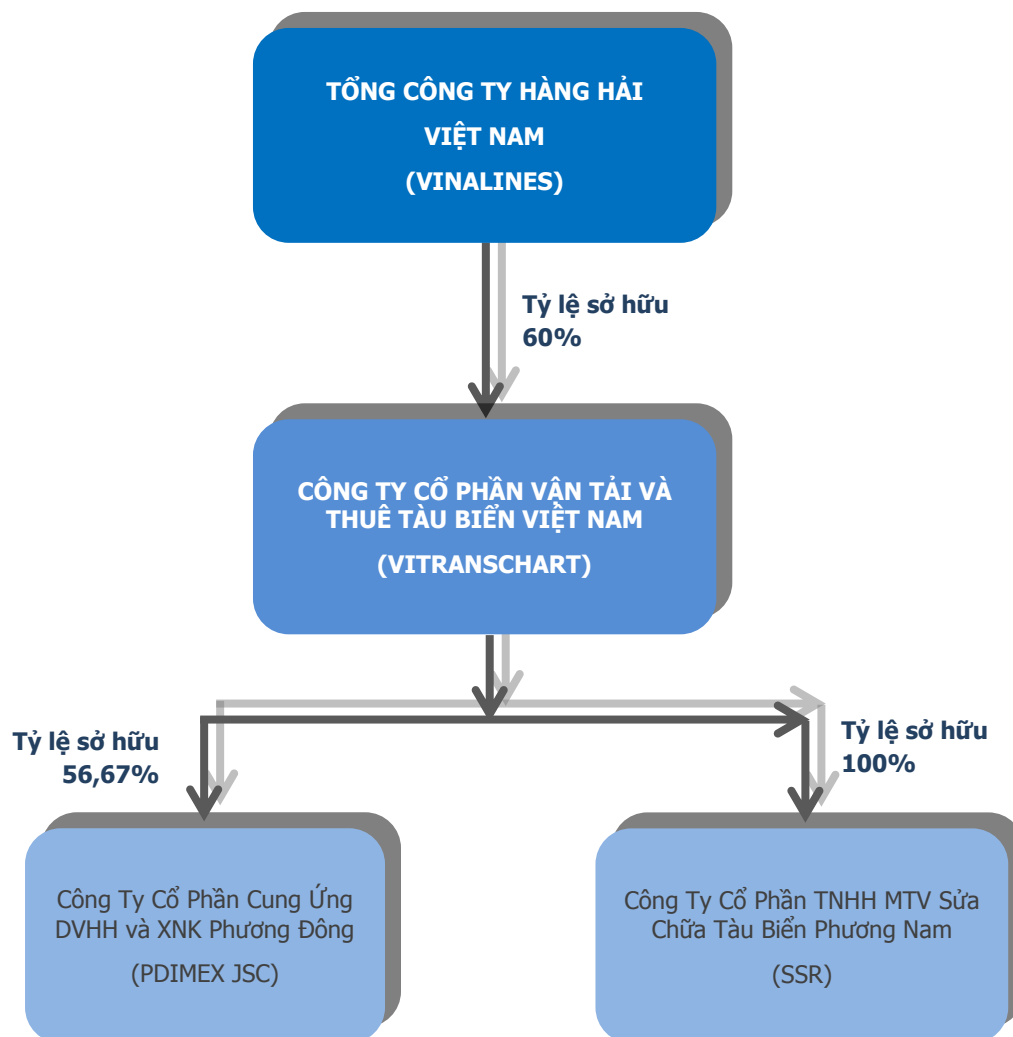
Chiến lược sản phẩm mới: củng cố và phát triển dịch vụ cốt lõi là vận tải biển và cho thuê thuyền viên, giảm các dịch vụ khác không có hiệu quả

Nguồn cung cấp: Cố gắng duy trì các nhà cung cấp vật tư nguyên liệu đặc biệt là nhà cung cấp vốn và dịch vụ tài chính truyền thống.

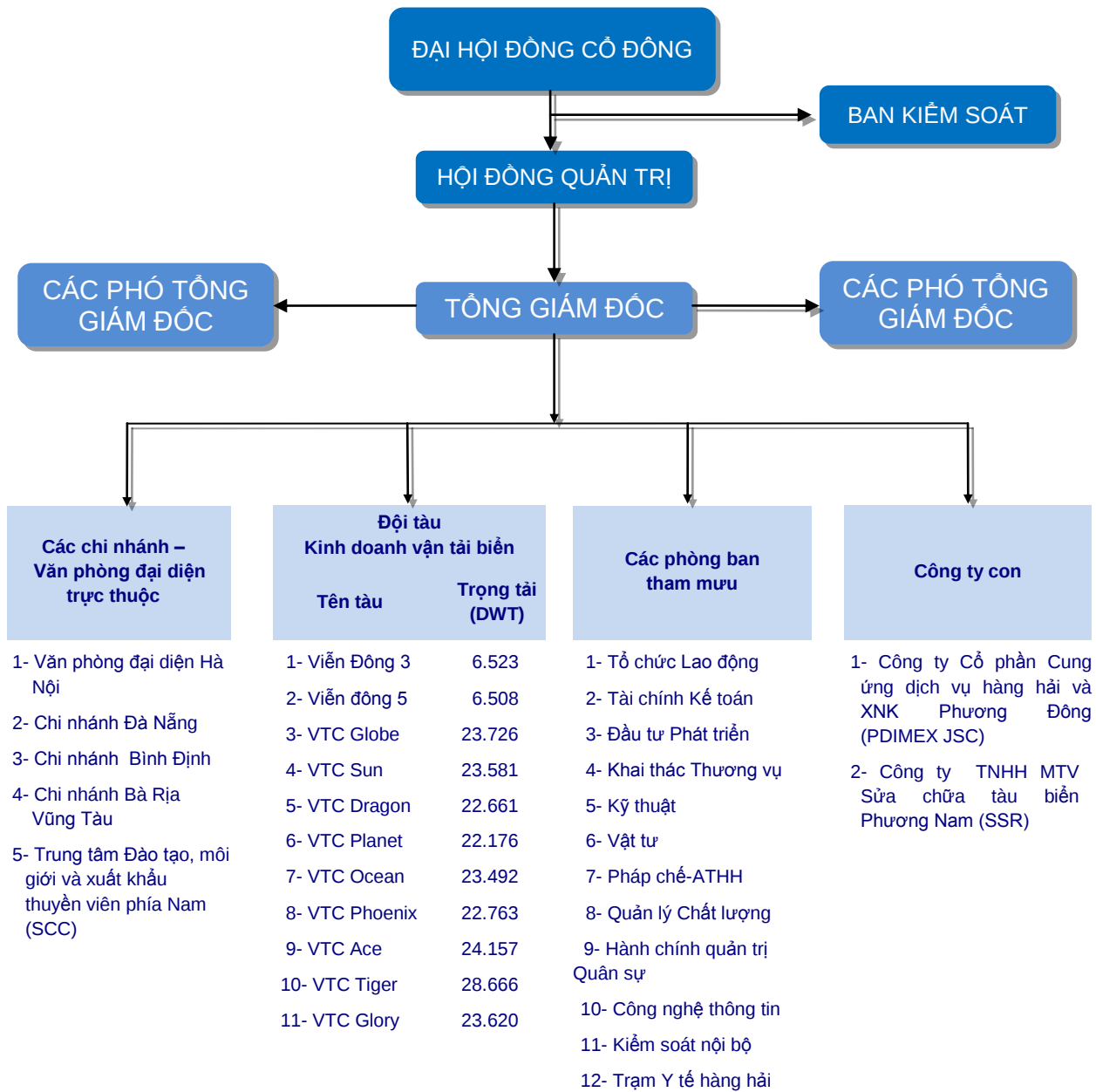
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị Công ty hiện đang áp dụng là mô hình mẹ con với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là Công ty mẹ với tỷ lệ sở hữu là 60% vốn cổ phần. Công Ty Cổ Phần Cung Ứng DVHH và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC) và Công Ty Cổ Phần TNHH MTV Sửa Chữa Tàu Biển Phương Nam (SSR) là Công ty con với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 56,67% và 100%.



CƠ CẤU TỔ CHỨC



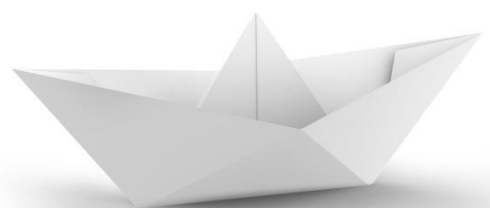
CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT


**Công ty CP Cung Ứng Dịch Vụ Hàng Hải & XNK Phương Đông
(PDIMEX JSC)**

Vốn điều lệ	18.000.000.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn	56,67%
Trụ sở chính	438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hoạt động kinh doanh chính	- Nhập khẩu nguyên vật liệu: thạch cao, xỉ cát... phục vụ sản xuất xi măng cung cấp cho các nhà máy xi măng khu vực phía Bắc và phía Nam từ nhiều nguồn khác nhau như Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản... - Cung cấp đá pozzolan cho các nhà máy xi măng - Vận chuyển clinker cho các nhà máy xi măng tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh. - Cung ứng các dịch vụ hàng hải phục vụ cho các đội tàu trong và ngoài nước gồm: cung ứng vật tư cho tàu, - Sửa chữa và bảo dưỡng phao bè cứu sinh, gỡ rỉ sơn và vệ sinh công nghiệp tàu


Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)

Vốn điều lệ	5.500.000.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn	100%
Trụ sở chính	428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh
Hoạt động kinh doanh chính	- Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ). - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy. Dịch vụ đại lý vận tải biển. - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan (trừ kinh doanh gas)



Công ty nắm trên 50% vốn cổ phần**Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam**

Là Công ty sở hữu 60% vốn cổ phần của CTCP Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam

**Số lượng cổ phần
nắm giữ**

35.400.000 cổ phần

Trụ sở chính

Tầng 17, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Mai, Hà Nội

**Ngành nghề hoạt
động**

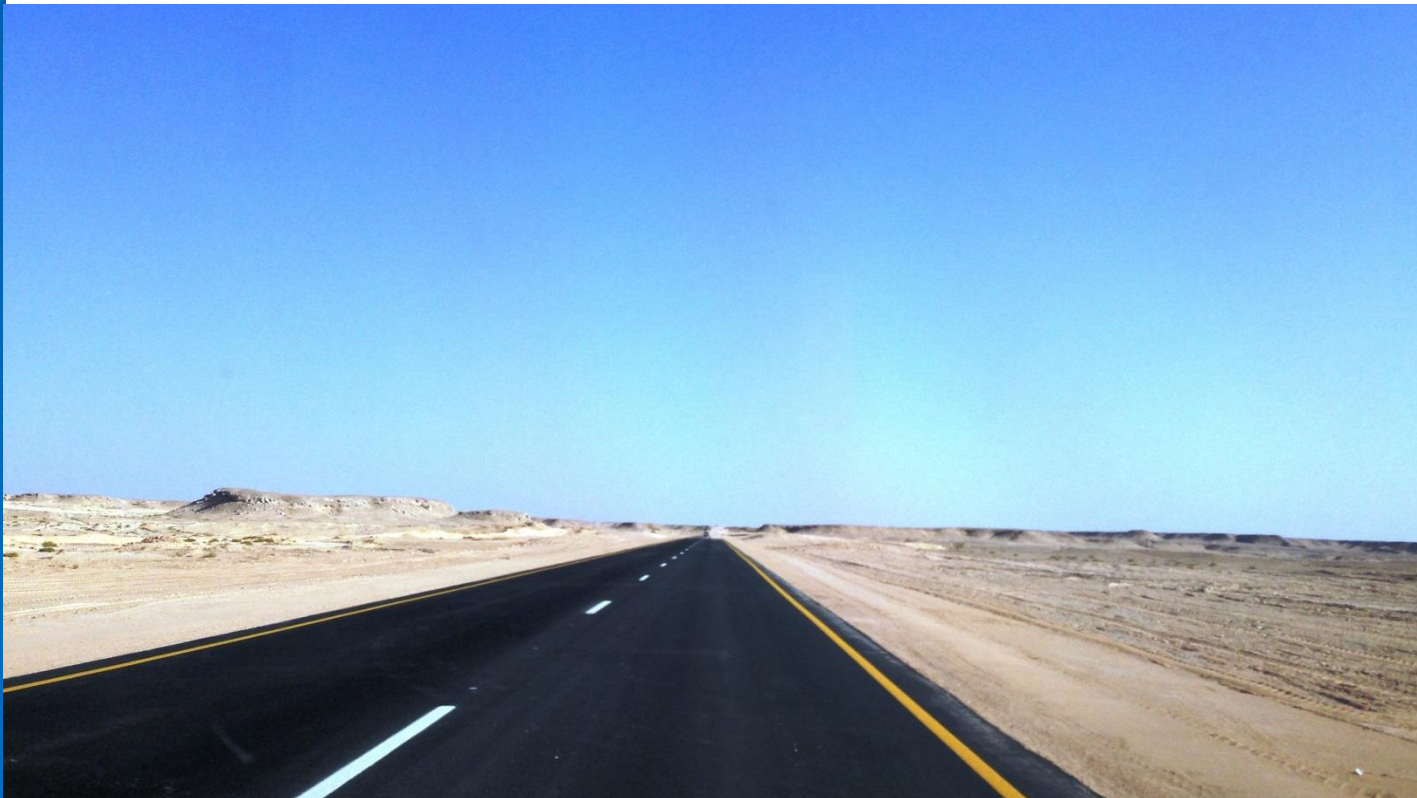
- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức; Khai thác cảng biển, cảng sông; Kinh doanh kho, bãi. Dịch vụ logistics; Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thủy. Sửa chữa tàu biển;
- Xuất khẩu phương tiện, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu chuyên ngành hàng hải; Xuất khẩu lao động và cung ứng lao động hàng hải cho các tổ chức trong nước; đào tạo giáo dục định hướng và nghề nghiệp cho người đi làm việc ở nước ngoài; mua bán hàng hóa phục vụ người lao động đi làm việc ở nước ngoài bằng ngoại tệ hợp pháp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê phương tiện và thiết bị vận tải, bốc xếp chuyên ngành; Xây dựng, lắp đặt trang thiết bị và hoàn thiện các công trình chuyên ngành; Kinh doanh kho ngoại quan, thông tin chuyên ngành; gia công chế biến hàng xuất khẩu;
- Tổ chức dịch vụ đại lý vận tải, bốc xếp hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng hóa thông thường, thiết bị máy móc, container bằng các phương tiện đường thủy, đường bộ trong và ngoài nước; thay mặt chủ hàng hoàn thành thủ tục hải quan;
- Giao nhận, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu từ các cửa khẩu về kho hàng; Cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt;
- Các loại hoạt động hỗ trợ vận tải: đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường không, đường ống. Phá dỡ phương tiện vận tải, bốc xếp cũ;
- Vận tải hành khách bằng ô tô; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; Đại lý giao nhận, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, xăng dầu chất đốt;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ; san lấp mặt bằng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh khách sạn nhà hàng; dịch vụ du lịch, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; dịch vụ vui chơi giải trí; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); kinh doanh cửa hàng miễn thuế, mua bán rượu, thuốc lá; Kinh doanh bất động sản và hạ tầng giao thông; Dịch vụ đại lý bán vé máy bay.

**Hoạt động kinh
doanh chính**

- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức;
- Khai thác cảng biển, cảng sông; Kinh doanh kho. Bãi. Dịch vụ logistic;
- Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động thủy.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN***Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn***

- Tập trung khai thác những tuyến hàng truyền thống và mở rộng khai thác ở những thị trường mới triển khai những năm gần đây như Bắc Mỹ (Canada), Úc, Bắc Âu, tối ưu hóa việc khai thác, kết hợp nhiều phương thức khai thác, tìm kiếm hợp đồng COA (Contract of Affreightment), Voyage Charter, Time Charter.
- Nghiên cứu và áp dụng hình thức kinh doanh thuê tàu trần (Bareboat) để tăng năng lực sản xuất, tăng cạnh tranh, nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường, cải thiện kết quả sản xuất kinh doanh, duy trì lực lượng cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên có tay nghề cao.
- Tích lũy để có vốn đối ứng hoặc phát hành cổ phiếu trái phiếu để phát triển đội tàu vào những năm cuối của kế hoạch 5 năm 2016 -2020. Dự kiến năm 2019 và năm 2020 tình hình tài chính thuận lợi sẽ đầu tư mỗi năm 01 tàu hàng khô 34.000 DWT đã qua sử dụng với mức đầu tư dự kiến 15 triệu USD/tàu.
- Rà soát lao động hiện có để điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo hợp lý. Đánh giá đúng mức cán bộ trên cơ sở khả năng, năng lực công tác, có chính sách đãi ngộ, chính sách vật chất đối với cán bộ giỏi, có năng lực. Phân công công việc đúng khả năng, trình độ của mỗi người.
- Tăng cường quản lý chất lượng đội tàu và trên bờ qua việc hoàn thiện, nâng cấp các Hệ thống Quản lý An toàn (SMS) của ISMcode, Hệ thống An ninh Tàu biển ISPS code, Hệ thống ERP, xây dựng hệ thống MLC-2006 và ISO 9000-2008, áp dụng phần mềm Maritime software (Fleet Management Solution) cho đội tàu Vitranschart và các bộ phận liên quan để tất cả các cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên đều am hiểu và áp dụng hiệu quả nhằm đảm bảo cho người, hàng hóa, tài sản, tăng tính cạnh tranh và nâng cao vị thế của Vitranschart trên thị trường vận tải biển trong và ngoài nước.



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải của đội tàu cũng như không ngừng tìm tòi những sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả tối đa nguồn nguyên liệu, giảm tối đa khí thải nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Ngoài ra Công ty còn phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc.
- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo đời sống, việc làm đối với cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty trong năm là 14.770.000 đồng/người/tháng
- Tiếp tục xây dựng, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thi đua của Công đoàn Công ty, góp phần nâng cao tinh thần gắn bó giữa cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên trong Công ty. Năm 2014, Công đoàn Công ty đã tổ chức các hoạt động văn nghệ chào mừng ngày thành lập Công ty; khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động tham gia Hội thao Tổng công ty hàng hải Việt Nam lần thứ VIII - 2014, khu vực phía Nam trong không khí kỷ niệm 60 năm ngày chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7.5.1954-7.5.2014) và chào mừng kỷ niệm những ngày lễ lớn của đất nước; tổ chức giải Quần vợt Công ty chào mừng ngày các ngày lễ 30/4 và 2/9. Đảng ủy Công ty đã tổ chức chuyến "về nguồn" thăm nhà tù Côn Đảo, nơi được ví như "địa ngục trần gian" cho các đồng chí cán bộ chủ chốt là thành viên BCH Đảng bộ, các bí thư chi bộ, các đảng viên xuất sắc, và một số cựu cán bộ lãnh đạo Công ty đã nghỉ hưu.
- Duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của cán bộ công nhân viên với xã hội và cộng đồng cũng như phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty. Trong năm 2014, Công ty đã tổ chức bàn giao 4 căn nhà tình thương tại huyện Chợ Lách, Bến Tre, nâng tổng số nhà tình nghĩa, tình thương đã giao là 28 căn kể từ năm 2008 đến nay. Công ty cũng tổ chức thăm hỏi, tặng quà Bà Mẹ Việt Nam anh hùng do Công ty phụng dưỡng tại Quảng Nam. T. Quý khuyến học Công ty Vitranschart (VSEF)
- Công đoàn Công ty đã phối hợp với chính quyền và Đoàn TNCS HCM đi thăm, tặng quà cho Trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn tại Chánh Phú Hòa- Bình Dương.



TẦM NHÌN

SỨ MỆNH

GIÁ TRỊ CỐT LŨI

Tầm nhìn

Trở thành một trong những Công ty vận tải biển hàng đầu khu vực Đông Nam Á đặc biệt trong lĩnh vực vận chuyển hàng khô rời, là đối tác tin cậy của khách hàng trên khắp thế giới qua việc cung cấp chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn với giá cạnh tranh, liên tục đổi mới và tạo ra sự khác biệt trong các sản phẩm dịch vụ.

Sứ mệnh, tôn chỉ hoạt động

Vitranschart là doanh nghiệp chuyên vận chuyển hàng hoá khắp thế giới bằng đường biển. Với mong muốn đóng góp nhiều hơn vào chuỗi logistics toàn cầu, Chúng tôi còn tham gia hoạt động ở các lĩnh vực về dịch vụ hàng hải khác với chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh. Chúng tôi luôn tin rằng trách nhiệm hàng đầu của mình là không chỉ đáp ứng nhu cầu mà còn đem đến sự hài lòng tuyệt đối cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ của Công ty. Vì thế chúng tôi luôn nỗ lực tái cấu trúc và hiện đại hóa, trẻ hoá đội tàu, xây dựng một hệ thống chất lượng cung cấp dịch vụ vận tải đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo quyền lợi cho các khách hàng. Chúng tôi luôn tìm mọi cách để nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá các loại hình kinh doanh, củng cố và phát triển thị trường...

Giá trị cốt lõi của doanh nghiệp

Uy tín về thương hiệu, chất lượng phục vụ và năng lực cạnh tranh;

Luôn đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng với phương châm hai bên cùng có lợi;

Đội ngũ cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp;

Tuân thủ luật pháp;

Kinh doanh bền vững, ứng dụng công nghệ tiên tiến;

An toàn cho con người, phương tiện và hàng hóa, bảo vệ môi trường;

Văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, gắn bó, hợp tác, chia sẻ;

Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội...

CÁC RỦI RO**Rủi ro về kinh tế và chính trị**

Ngành vận tải biển là ngành có sự phát triển luôn đi cùng diễn biến của nền kinh tế thế giới và có vị trí quan trọng hàng đầu trong nền kinh tế toàn cầu vì sản lượng vận tải biển chiếm hơn 90% lưu chuyển thương mại hàng hóa toàn cầu, đảm nhận chức năng vận chuyển tất cả các loại hàng hóa, nhiên liệu, nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất; cũng như các loại thành phẩm, máy móc, phương tiện, thiết bị, thực phẩm...cho sản xuất và tiêu dùng. Kinh tế Việt Nam còn khó khăn, tăng trưởng thấp, thị trường tài chính – tiền tệ khó khăn, tỷ lệ nợ xấu tăng cao buộc nhiều định chế tài chính và các doanh nghiệp phải tái cấu trúc, sáp nhập, thậm chí phá sản ngày càng nhiều. Dự báo nhu cầu vận chuyển hàng khô rời năm nay cũng đã điều chỉnh giảm từ mức trên 5% xuống còn 4% - 4,67%. Dự báo cung thị trường tàu hàng khô rời năm 2015 tăng khoảng 5,1%. Lượng giao dịch hàng hóa giảm, cùng với tình trạng thừa cung vốn tồn tại sẽ khiến 2015 có thể là năm khá tồi tệ, cho dù tình hình sẽ không quá bi thảm như những tháng đầu năm.

Rủi ro về luật pháp

Trách nhiệm Pháp lý hiện hành ràng buộc công ty liên quan đến lĩnh vực tài chính như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật các TCTD và các quy định về bảo toàn vốn đối với công ty có mức vốn góp nhà nước trên 50%...nhất là đối với công ty niêm yết như Vitranschart JSC hiện nay. Công ty không thể vay thêm vốn phục vụ sản xuất kinh doanh khi tình trạng tín dụng ở hạng dưới trung bình do nợ ngân hàng, bảo hiểm XH, thuế, nhà cung cấp ...ở mức cao vượt quy định. Luật lệ về vận tải biển ở Việt Nam còn rườm rà, chưa chặt chẽ, thậm chí còn lạc hậu nên rất lúng túng khi tham gia các công ước quốc tế.

Doanh nghiệp Việt Nam còn ít kinh nghiệm kinh doanh thương mại quốc tế nên thường mua CIF bán FOB nên không được quyền chọn hãng tàu vận chuyển dẫn đến các hãng tàu nước ngoài chiếm ưu thế hơn các hãng tàu

Bên cạnh chịu rất nhiều tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô, hoạt động vận tải biển còn chịu nhiều tác động của tình hình chính trị trên thế giới. Mâu thuẫn chính trị giữa các quốc gia lớn như Mỹ-Trung Quốc-EU-Nga và đặc biệt bất ổn chính trị ở Trung Đông lan rộng; khủng hoảng hạt nhân tại bán đảo Triều Tiên; bất ổn chính trị ở Thái Lan; cướp biển Somali, Trung Quốc liên tục có những động thái gia tăng sức ép với các quốc gia láng giềng về đường biên giới trên biển...càng làm cho nền kinh tế thế giới suy thoái. Những sự kiện trên đã ảnh hưởng lớn tới quan hệ thương mại giữa các quốc gia, các khu vực và toàn cầu, làm giảm sản lượng xuất khẩu và vận chuyển hàng hóa toàn thế giới, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tổng cầu, đẩy chi phí nhiên liệu tăng rất cao...làm ngành vận tải biển rơi vào tình trạng khó khăn nghiêm trọng với hàng loạt tên tuổi lớn ra đi.



Rủi ro đặc thù (Ngành, Công ty, Lĩnh vực hoạt động)

Ngành vận tải biển (VTB) Việt Nam đã phát triển quá nhanh trong các năm qua, kể cả số lượng tàu, trọng tải tàu và các doanh nghiệp quản lý khai thác tàu biển nhưng quy mô nhỏ, manh mún, phân tán và thiếu chiến lược phát triển bền vững và quy mô vốn và kinh nghiệm quản trị tối thiểu đáp ứng các yêu cầu của ngành vận tải biển toàn cầu, đặc biệt là khả năng chịu đựng khi giá cước giảm sâu do cán cân cung cầu toàn ngành bị mất cân đối nặng nề như những năm qua. Chính sự phát triển quá nóng và phân tán, không phù hợp với nhu cầu thị trường đã và đang làm cho ngành VTB trong nước gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Đó là việc thiếu các size, tuổi, trình trạng kỹ thuật và loại tàu phù hợp thị trường cũng như tình trạng hàng hóa ít mà tàu nhiều, các chủ hàng thiếu lượng hợp đồng COA cho đội tàu hoạt động... nên các chủ tàu cạnh tranh gay gắt, giảm giá cước tối đa, chấp nhận chịu thanh toán chậm, khai thác ở các tuyến hàng khó khăn nhưng cước thấp... càng khiến cho doanh nghiệp VTB khó khăn ngày càng chồng chất.

Bệnh dịch và cướp biển hoành hành, đặc biệt gia tăng ở khu vực eo Malacca gần đây làm hạn chế tuyến khai thác. Tình trạng ùn tắc cảng, chờ cầu, chờ hàng kéo dài. Yêu cầu về an ninh, an toàn bảo vệ môi trường hàng hải ngày càng khắt khe hơn đòi hỏi kỹ thuật vận hành khai thác và đầu tư cho đội tàu ngày càng cao. Tình trạng biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng cao cùng những thay đổi bất thường của thời tiết làm cho bão, sóng thần và thiên tai xảy ra liên tiếp, nghề đi biển gặp nhiều khó khăn, nguy hiểm hơn.

Rủi ro khác

Ngoài ra, các chi phí như lãi suất vốn vay, chênh lệch tỷ giá, phụ tùng, vật tư, giá nhiên liệu... cũng ảnh hưởng lớn tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những tác động trên đã gây trở ngại lớn cho việc lập và thực hiện kế hoạch đầu sản xuất kinh doanh, kế hoạch thanh toán vốn ngân hàng cũng như tác động xấu đến chiến lược phát triển của doanh nghiệp hiện tại và tương lai.

Việc áp dụng và thực thi nhiều công ước quốc tế mới về hàng hải như Phụ lục 3/4/5/6 của Công ước MARPOL 73/78, Công ước kiểm soát hệ thống chống sơn hà độc hại AFS 2001, Công ước kiểm soát và quản lý nước dằn ballast của tàu BWM 2004, Công ước lao động hàng hải MLC 2006... dẫn tới yêu cầu các chủ tàu về nâng cao quản lý về tình trạng kỹ thuật tàu, tăng cường công tác duy tu bảo dưỡng, sửa chữa và đầu tư nâng cấp thiết bị, nâng cao chất lượng sỹ quan thuyền viên và quyền lợi người lao động. Ngoài các Công ước, tàu vào quốc gia nào còn phải chịu thêm các quy định của quốc gia đó nên chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh tàu biển sẽ tăng cao về chủng loại và mức độ. Đó là thách thức không hề nhỏ đối với ngành vận tải biển phát triển còn non trẻ của Việt Nam.

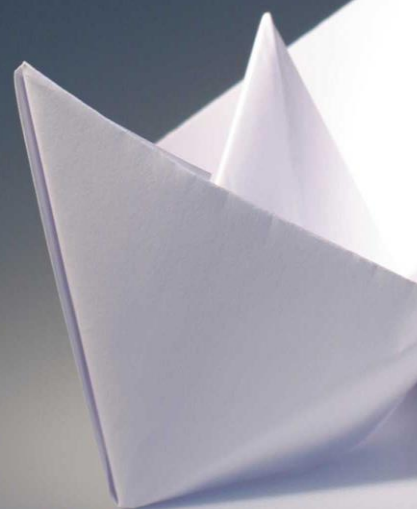


PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án



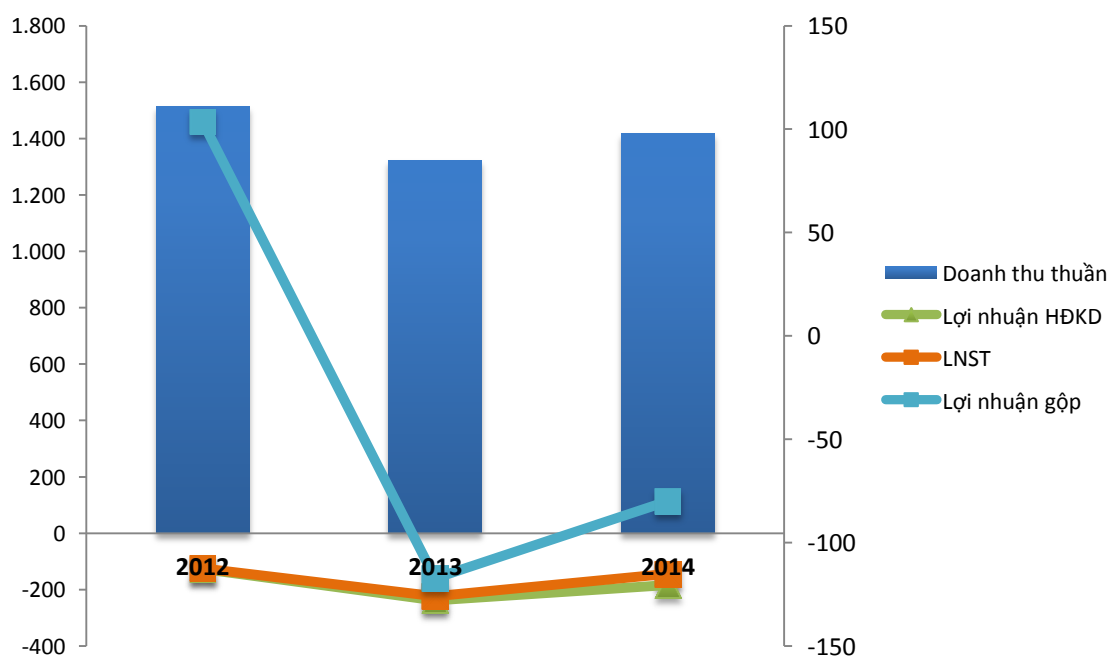
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2014 đã đi qua với rất nhiều thử thách đối với Công ty. Tình trạng khó khăn của ngành vận tải biển nói chung và Công ty nói riêng vẫn còn tiếp diễn. Đối với lĩnh vực kinh doanh của mình, sự biến động giá cước vận tải đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định cho công ty. Tuy nhiên, hàng hóa ngày càng khan hiếm trong khi tình trạng dư thừa trọng tải vẫn còn tiếp diễn đã làm cho giá cước vẫn ở mức thấp.

Trong khi đó, chi phí nhiên liệu chiếm đến 60-70% doanh thu hoạt động của Công ty nhìn chung vẫn duy trì ở mức cao trong gần như cả năm (giá nguyên liệu chỉ giảm mạnh trong những tháng cuối năm), hoạt động sản xuất kinh doanh đình trệ đã làm cho thời gian phi sản xuất vẫn còn cao. Rất nhiều doanh nghiệp vận tải đã rơi vào tình trạng thu không bù chi, thua lỗ kéo dài, nợ nần chồng chất. Mặc dù Công ty đã luôn nỗ lực trong mọi quyết định đưa ra nhưng những khó khăn chung của ngành đã khiến hoạt động kinh doanh Công ty thua lỗ, tình hình tài chính vô cùng khó khăn.

Đơn vị: Triệu đồng

Kết quả hoạt động SXKD	2013	2014
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.322.158,19	1.418.961,87
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	-117.211,69	-80.013,04
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-237.997,89	-184.132,13
Lợi nhuận khác	14.505,02	-572,92
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-223.492,87	-184.705,05
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-223.717,78	-144.237,09
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-61,65	549,49
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	-223.656,13	-144.786,58
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng)	-3.792	-2.454



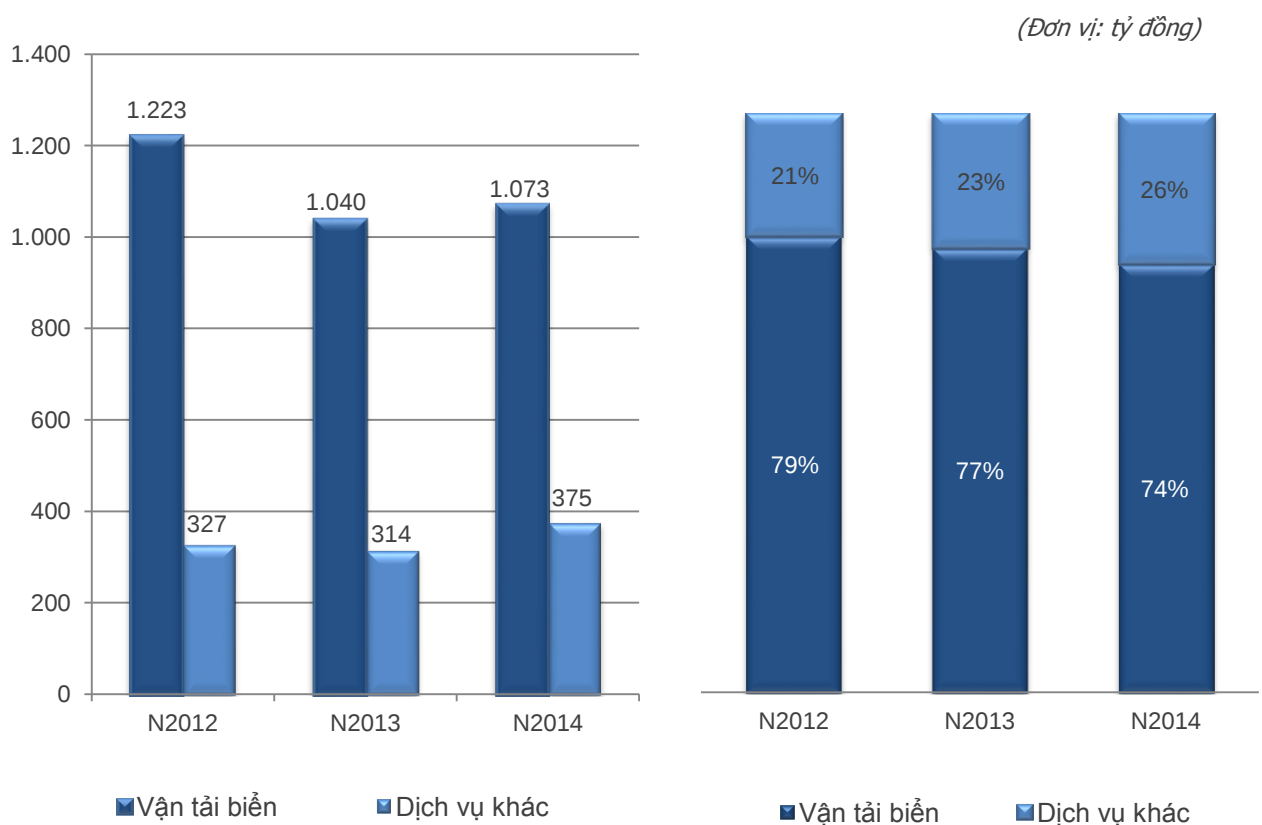
Tổng doanh thu toàn Công ty năm 2014 thực hiện 1.447,2 tỷ đồng, vượt 11% so với kế hoạch khi doanh thu chính từ vận tải biển (chiếm trên 74% tổng doanh thu) và doanh thu các dịch vụ khác lần lượt vượt 4% và 39% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do sản lượng luân chuyển (của tất cả các mặt hàng truyền thống trên những tuyến chính Nam Mỹ/Đông Nam Á, Nam Mỹ/Tây phi, khu vực Đông Nam Á...) tăng vượt 9,03% kế hoạch, bất chấp giá cước bình quân tiếp tục giảm.

Kết quả kinh doanh toàn Công ty lỗ trước thuế 184,7 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí khấu hao cơ bản, chi phí nhiên liệu (dầu DO, FO) trong năm 2014 vẫn còn cao trong khi giá cước bình quân tiếp tục giảm. Năm 2014, Công ty đã nỗ lực để giữ cho đội tàu hoạt động an toàn, cố gắng duy trì sản xuất chính, sản xuất phụ, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2014	2014	2013	TH2014 KH2014	TH2014 TH2013
Sản lượng vận chuyển	Tấn	1.370.200,0	1.687.083,0	1.331.526,7	123,13%	126,70%
Sản lượng luân chuyển	Tỷ TKm	10,7	11,7	11,4	109,03%	102,73%
Doanh thu các hoạt động	Tỷ VNĐ	1.305,82	1.447,20	1.354,59	111%	107%
Trong đó:						
+ Kinh doanh vận tải	Tỷ VNĐ	1.035,93	1.072,60	1.040,33	104%	103%
+ Kinh doanh các dịch vụ khác	Tỷ VNĐ	269,89	374,60	314,30	139%	119%
Lãi (+)/Lỗ (-) trước thuế	Tỷ VNĐ	-179,10	-184,70	-223,50	-	-
Lãi (+)/Lỗ (-) sau thuế hợp nhất	Tỷ VNĐ	179,30	-144,80	-223,70	-	-

Về cơ cấu doanh thu

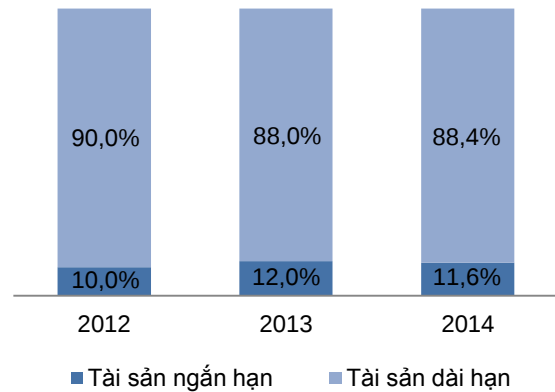


Về tài sản

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN	2013	2014	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	332.607,78	302.064,74	-9,2%
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.859,08	52.461,88	-2,6%
Các khoản phải thu	113.478,80	78.866,33	-30,5%
Hàng tồn kho	103.220,94	99.117,13	-4,0%
Tài sản ngắn hạn khác	62.048,97	71.619,40	15,4%
Tài sản dài hạn	2.430.007,90	2.313.101,06	-4,8%
Tài sản cố định	2.395.878,45	2.150.419,62	-10,1%
Tài sản dài hạn khác	33.767,44	158.969,19	370,8%
Tổng tài sản	2.762.615,68	2.615.165,80	-5,3%

Tổng giá trị tài sản của Công ty cuối năm 2014 là 2.615 tỷ đồng, giảm 5,3% so với năm 2013. Cơ cấu tài sản của Công ty cũng thay đổi với sự giảm xuống về tỷ trọng của tài sản ngắn hạn, từ 12% xuống 11,6%. Điều này đến từ việc giá trị tài sản ngắn hạn giảm 9,2% (chủ yếu là giảm các khoản phải thu) và tài sản dài hạn cũng giảm 4,8%.

**Về nguồn vốn**

Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn vốn	2013	2014	Thay đổi
Nợ phải trả	2.448.743,01	2.370.028,86	-3,2%
Nợ ngắn hạn	629.302,82	456.736,84	-27,4%
Nợ dài hạn	1.819.440,19	1.913.292,02	+5,2%
Vốn chủ sở hữu	305.572,19	236.286,96	-22,7%
Tổng nguồn vốn	2.762.615,68	2.615.165,80	-5,3%

Cơ cấu nợ của công ty tiếp tục duy trì ở mức cao (trên 90% tổng nguồn vốn). Nợ ngắn hạn giảm mạnh 27,4% so với năm 2013 khi công ty thu hồi được khoảng 32 tỷ đồng các khoản phải thu và giảm được khoảng 9,3 tỷ đồng hàng tồn kho. Trong khi đó, nợ dài hạn tăng nhẹ 5,3% khi công ty tiếp tục vay ròng các khoản vay dài hạn để trang trải hoạt động kinh doanh.

Nguồn vốn chủ sở hữu tiếp tục suy giảm khoảng 22,7% so với cuối năm 2013 khi khoản lỗ lũy kế của công ty tiếp tục phình to.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện thời	lần	0,53	0,66
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,36	0,44
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	88,64	90,63
Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	801,36	1.003,03
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Kỳ lưu kho bình quân	ngày	24,13	24,63
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	30,99	27,74
Vòng quay tài sản cố định	Vòng	0,52	0,62
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,46	0,53
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-16,92	-10,16
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn VCSH	%	-53,60	-34,91
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-7,74	-5,36

Về khả năng thanh toán

Mặc chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty nhỏ hơn 1 nhưng đã tiếp tục có sự cải thiện mạnh so với năm 2013, tài sản ngắn hạn giảm trong khi nợ ngắn hạn giảm mạnh hơn đã làm chỉ số thanh toán hiện thời tăng từ 0,53 lên 0,66. Tuy nhiên với khả năng thanh toán hiện tại, Công ty sẽ không thuận lợi trong việc tìm kiếm những nhà cung cấp có mức giá tốt vì khả năng thanh toán ngắn hạn ở mức kém an toàn.

Về cơ cấu nguồn vốn

Đặc trưng của ngành nói chung và Công ty nói riêng sử dụng đòn bẩy tài chính rất lớn. Nguồn vốn của Công ty chủ yếu được tài trợ từ các khoản nợ vay. Tỷ số nợ trên tổng tài sản của Công ty đã ở mức khá cao, nhưng đang có xu hướng tăng dần (từ mức 88,6% năm cuối 2013 lên mức 90,6% cuối 2014) khi vốn chủ sở hữu của công ty giảm dần do thua lỗ nhiều năm liên tiếp.

Về chỉ tiêu năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về hoạt động của Công ty nhìn chung duy trì ở mức ổn định trong các năm qua. Khả năng kiểm soát công nợ khá tốt và có dấu hiệu cải thiện trong năm 2014 (kỳ thu tiền bình quân giảm từ 31 ngày năm 2013 xuống 25,06 ngày năm 2014). Hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty đã cải thiện trở lại năm 2014 do doanh thu cải thiện mạnh (vòng quay tài sản cố định tăng từ 0,52 lên 0,62 vòng, vòng quay tổng tài sản cũng cải thiện từ 0,46 vòng lên 0,53 vòng).

Về chỉ tiêu khả năng sinh lời

Các chỉ số vẫn âm. Tuy nhiên, đã có sự cải thiện rõ rệt năm 2014 so với năm 2013 khi khoản lỗ của công ty đã thấp hơn khoảng 79 tỷ đồng.

CÁC TIẾN BỘ, KẾT QUẢ NỔI BẬT ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2014**Cải cách về cơ cấu tổ chức**

Không có

Chính sách quản lý - điều hành

Thực hiện tốt theo tinh thần công văn số 45/QĐ-TCLĐ ngày 08/2/2014 về việc “thực hành tiết kiệm chống lãng phí và tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm trong năm 2014”, hầu hết các khoản mục chi phí đều giảm so với kế hoạch đầu năm như sửa chữa thường xuyên giảm 8,9 tỷ đồng, phí bảo hiểm tàu giảm gần 0,2 tỷ đồng, chi phí quản lý giảm 0,8 tỷ đồng...

Thực hiện chính sách tài chính linh hoạt nhằm ứng phó với nguồn vốn khó khăn và eo hẹp, Công ty đã tiến hành:

- Ký hợp đồng hạn mức ngắn hạn với VPB, Agribank; tiếp tục đàm phán ký HĐ hạn mức ngắn hạn tại MSB.
- Làm việc với ngân hàng về điều kiện giải chấp tàu VTC Sky, Viễn Đông 3. Hoàn thành đàm phán và thủ tục trình HĐQT phê duyệt ký phụ lục HĐ tái cơ cấu nợ ACB.
- Làm việc với Vietcombank, VDB... về tái cơ cấu nợ vay.
- Thương lượng, thuyết phục các nhà cung ứng kịp thời cung cấp nhiên liệu, vật tư phụ tùng cho đội tàu mặc dù Công ty vẫn còn nợ nhiều nhà cung cấp. Hiện áp lực nợ đã giảm nhiều, không còn căng thẳng như cùng kỳ 2013 do nhờ các ngân hàng thực hiện khoan nợ, giãn nợ theo chỉ đạo của Chính phủ.
- Thực hiện đúng quy định về quản lý công nợ phải thu phải trả, phù hợp Quy chế tài chính của Công ty và Quy chế Quản lý nợ của Tổng Công ty. Đối với nợ phải trả, ngoài khoản nợ các tổ chức tín dụng đã được tái cơ cấu 2012-2015.

Thực hiện chính sách bảo đảm an ninh, an toàn hàng hải: Bố trí đăng kiểm VR, NK gia hạn các giấy chứng nhận tàu và kiểm tra, bảo dưỡng hàng năm thiết bị cho đội tàu. Giao dịch, ký kết hợp đồng sửa chữa và theo dõi sửa chữa tàu định kỳ theo đúng kế hoạch.

Hoàn thành công tác chuẩn bị và triển khai hệ thống MLC 2006 cho toàn đội tàu Công ty.

Công ty đã áp dụng hàng loạt biện pháp linh hoạt về khai thác như tăng cường cho thuê định hạn, khai thác tuyến ngắn nội địa hoặc khu vực Đông Nam Á, triệt để tiết kiệm, tránh lãng phí, vận dụng tối đa các chính sách về tài chính, cơ cấu lại nợ....

Chính sách đối với người lao động: Mặc dù kinh doanh trong điều kiện vô cùng khó khăn nhưng Công ty đã cố gắng không nợ lương, đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ phúc lợi, quyền lợi của người lao động như bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh định kỳ, nghỉ mát...; lương bình quân năm 2014 (kể cả SQTV) thực hiện 14,77 triệu đồng/người/tháng.

Thực hiện nghiêm túc quy định của cơ quan quản lý nhà nước

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015, “tập trung tái cơ cấu các khoản vay đầu tư tàu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác theo hướng khoan nợ gốc và miễn giảm lãi vay”, đến nay Vitranschart đã được các ngân hàng thương mại cho ngưng, giãn trả nợ gốc và lãi vay (trừ VDB và Vietcombank), nhờ vậy giúp Công ty giảm áp lực trả nợ gốc và lãi vay, với số tiền xấp xỉ 450 tỷ đồng mỗi năm (gốc 330 tỷ đồng; lãi vay 120 tỷ đồng), tập trung toàn bộ nguồn tiền duy trì hoạt động SXKD đội tàu, bảo đảm an toàn tài sản cho Nhà nước và công việc làm cho người lao động.

Chiến lược củng cố và phát triển sản phẩm

Đối với dịch vụ vận tải biển: Thực hiện phương châm Hướng tới khách hàng, lấy khách hàng làm trọng tâm thông qua việc đi tiên phong trong cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, nhất là các tuyến vận tải truyền thống nhằm giữ chân các khách hàng trung thành và phát triển thêm các khách hàng mới. Công ty cố gắng tối đa nhằm đảm bảo giao đúng số lượng, thời gian và chất lượng hàng hóa vận chuyển. Các khiếu nại và yêu cầu phù hợp của khách hàng được bộ phận dịch vụ khách hàng của Phòng Khai thác Thương vụ phối hợp với phòng Kỹ thuật, Vật tư, các bộ phận liên quan cũng như các cấp lãnh đạo Công ty giải quyết nhanh và phù hợp quy định.

Tăng cường cho thuê tàu định hạn: Triển khai được 3 tàu cho đối tác thuê định hạn nhằm giảm chi phí nhiên liệu, cảng phí và tăng hiệu quả, giảm lỗ theo nhu cầu thị trường ngày càng đa dạng.

Đối với dịch vụ môi giới và cho thuê thuyền viên: Công ty chủ động xây dựng và phát triển đội ngũ thuyền viên ổn định về số lượng, đảm bảo về mặt chất lượng nhằm thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu của các bạn hàng Nhật Bản và Đài Loan cũng như các đối tác trung thành khác. Đội ngũ thuyền viên, đặc biệt là các sĩ quan quản lý luôn được cập nhật, nâng cao trình độ

và huấn luyện thực hành sát với thực tiễn khai thác vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu của Bộ luật Quản lý An toàn Chất lượng và An ninh. Vì vậy, ý thức trách nhiệm, sự tuân thủ quy định các bộ luật, công ước và nội quy Công ty được nâng cao, góp phần khai thác vận hành con tàu an toàn hiệu quả. Công ty luôn quan tâm, chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của sỹ quan thuyền viên, luôn duy trì tốt các chế độ chính sách tiền lương đặc biệt tuân thủ nghiêm túc khi tham gia áp dụng công ước MLC 2006 cho đội tàu Công ty từ giữa năm 2014. Đây là mảng dịch vụ cốt lõi của Công ty và luôn mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh trong nhiều năm qua.

Đối với dịch vụ sửa chữa tàu biển: Chất lượng, uy tín luôn được giữ vững nhằm phục vụ tốt nhu cầu nội bộ Công ty và khách hàng bên ngoài, đảm bảo kinh doanh có lãi.

Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu: Tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu thạch cao, clinker và các nguyên vật liệu sản xuất xi măng cho đối tác.

Các sản phẩm và dịch vụ phụ: Hạn chế phát triển thêm, có thể thu hẹp nhằm giữ vững chất lượng dịch vụ cung cấp và cố gắng kinh doanh không lỗ.

Cách thức bảo hộ và quảng bá thương hiệu

Công ty tích cực xây dựng và quảng bá thương hiệu Vitranschart JSC thông qua các kênh truyền thông trong nước và quốc tế. Bộ nhãn hiệu gồm Logo và Cờ của Công ty đã được đăng ký bảo hộ tại Cục Sở hữu Trí tuệ theo Quyết định số 66186/QĐ-SHTT và 37034/QĐ-SHTT được duy trì và củng cố.



PHÂN TÍCH SWOT

Tình hình khó khăn trong giai đoạn hiện tại cũng là cơ hội để Công ty nhận ra điểm mạnh, điểm yếu, những thuận lợi và thách thức Công ty đang gặp phải để tìm cách khắc phục và phát triển xa hơn nữa trong tương lai.

ĐIỂM MẠNH

- + Thương hiệu uy tín và chất lượng trên thị trường vận tải Việt Nam và thế giới, có bề dày lịch sử và luôn đứng ở top đầu trong ngành vận tải biển Việt Nam và có tiềm năng phát triển bền vững.
- + Đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng với phương châm hai bên cùng có lợi.
- + Là doanh nghiệp cổ phần có 60% vốn nhà nước sở hữu, nên được hưởng ưu đãi về chính sách tài chính, thuế và đầu tư. Được hỗ trợ vốn, ưu đãi lãi suất, thuế thu nhập, chính sách khấu hao khi thực hiện các dự án, đặc biệt là đầu tư đóng tàu.
- + Có hệ thống tổ chức quản lý chặt chẽ (tuân thủ ISM CODE) và áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến SAP, có hệ thống kinh doanh dọc và ngang.
- + Đội ngũ nhân sự trên bờ và dưới tàu có đặc điểm đoàn kết, thống nhất cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp, giỏi chuyên môn và giàu kinh nghiệm. Chất lượng đội ngũ nhân sự cơ hữu về cơ bản thuộc loại tốt nhất Việt Nam.
- + Phương tiện và nhân sự đáp ứng rất tốt nhu cầu vận chuyển trên các tuyến truyền thống và việc am hiểu tập quán các cảng trên các tuyến truyền thống đó cũng là thế mạnh rất riêng.
- + Thực hiện tốt các chính sách pháp luật, an sinh xã hội và chế độ lương đối với người lao động và chăm lo tốt các hoạt động đoàn thể, phong trào khác.
- + Tuân thủ tốt các qui định trong ngành về an toàn và quản lý kỹ thuật vận hành tàu.
- + Tình hình tài chính công khai minh bạch.

ĐIỂM YẾU

- + Tình hình thị trường và kết quả SXKD những năm qua và hiện tại hết sức khó khăn do kinh doanh thua lỗ nặng nề và liên tục.
- + Vùng khai thác bị hạn chế do các yếu tố khách quan như dịch bệnh Ebola, cướp biển, bất ổn chính trị.
- + Chưa có bộ phận đánh giá rủi ro để đánh giá rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro, rủi ro phụ thuộc nhiều vào giá nhiên liệu.
- + Đội tàu vẫn bị bất ổn bởi PSC do không đáp ứng đầy đủ điều kiện an toàn. Việc tuân thủ MLC còn gặp nhiều khó khăn cấp cập.
- + Các kỹ thuật/công nghệ cốt lõi/ kỹ năng chưa hiện đại và vượt trội.
- + Nguồn lực tài chính hạn hẹp, thiếu vốn đầu tư nên chưa có điều kiện trang bị thật tốt về cả phương tiện và con người để mở rộng và duy trì vùng hoạt động (ví dụ thị trường lục địa Châu Âu, mặc dù đây không phải là thị trường mới, nhiều tàu công ty đã ra/vào nhiều lần, nhưng Châu Âu rất khắt khe về luật định, những yêu cầu về mặt kỹ thuật rất cao và nghiêm túc đòi hỏi phải đầu tư con tàu luôn trong trạng thái đáp ứng tốt)
- + Khả năng thích ứng và phản ứng chưa được linh hoạt (về chiến lược) khi môi trường và thị trường biến đổi nhanh và liên tục.
- + Chưa sử dụng hiệu quả tối đa nguồn nhân lực, cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên chưa hết mình vì công việc. Một bộ phận còn quan liêu, không chịu nâng cao kiến thức chuyên môn để thích ứng với cơ chế thị trường và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- + Công tác nghiên cứu thị trường, marketing, tìm kiếm khách hàng COA chưa chú trọng, còn thụ động tìm kiếm nguồn hàng, phụ thuộc nhiều vào các nhà môi giới nên khách hàng ít và hay bị ép giá.
- + Lập kế hoạch SXKD và ngân sách cho từng bộ phận còn ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố chủ quan. Quản lý kinh doanh các Chi nhánh, công ty con chưa được hiệu quả.

CƠ HỘI

- + Công ty kinh doanh trong phân khúc tàu khô rời nhỏ, đang dần khẳng định tên tuổi trong nước và trên thế giới.
- + Dồi dào về nguồn nhân lực giá rẻ, lợi thế về địa lý khi có bờ biển dài.
- + Chính phủ có chính sách bảo hộ vận tải nội địa và nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế biển.
- + Thỏa thuận Thương mại tự do và hiệp định TPP, tỷ trọng XNK trong nền kinh tế cao làm rào cản thương mại, thuế quan giảm, cơ hội tìm kiếm thị trường mới tăng.
- + Chủ trương thoái vốn sở hữu nhà nước trong các doanh nghiệp ngành hàng hải ngày càng mạnh giúp làm giảm tính trì trệ và mang lại sự năng động cùng các cơ hội phát triển mới.
- + Lợi thế liên kết, hợp tác với các công ty con Vinalines về cảng và hậu cần logistics.

THÁCH THỨC

- + Bệnh dịch và cướp biển hoành hành, đặc biệt gia tăng ở khu vực eo Malacca gần đây làm hạn chế tuyến khai thác. Tình trạng ùn tắc cảng, chờ cầu, chờ hàng kéo dài.
- + Yêu cầu về an ninh, an toàn bảo vệ môi trường hàng hải ngày càng khắt khe hơn đòi hỏi kỹ thuật vận hành khai thác và đầu tư cho đội tàu ngày càng cao. Nhất là xu thế các thị trường giàu tiềm năng nhưng khó tính như Châu Âu ưu tiên cho các loại tàu Eco-ship thân thiện với môi trường là một thách thức không nhỏ đối với việc đầu tư, trẻ hóa đội tàu trong điều kiện tài chính vô cùng khó khăn như hiện nay.
- + Tình trạng biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng cao cùng những thay đổi bất thường của thời tiết làm cho bão, sóng thần và thiên tai xảy ra liên tiếp, nghề đi biển gặp nhiều khó khăn, nguy hiểm hơn.
- + Luật lệ về vận tải biển ở Việt Nam còn rườm rà, chưa chặt chẽ, thậm chí còn lạc hậu nên rất lúng túng khi tham gia các công ước quốc tế.
- + Doanh nghiệp Việt Nam còn ít kinh nghiệm kinh doanh thương mại quốc tế nên thường mua CIF bán FOB nên không được quyền chọn hãng tàu vận chuyển dẫn đến các hãng tàu nước ngoài chiếm ưu thế hơn các hãng tàu nội địa.
- + Chiến lược phát triển đội tàu trong nước còn yếu và nhiều bất cập do thiếu dự báo chính xác và các doanh nghiệp trong ngành phát triển đội tàu còn manh mún, tự phát và không đồng bộ với khả năng vận hành, khai thác.
- + Cảng biển nhỏ, lạc hậu, hệ thống logistics chưa phát triển
- + Giá nhiên liệu không ổn định và chiếm tỷ lệ cao trong doanh thu, nên ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH	
Trương Đình Sơn 	Tổng Giám đốc - Sinh năm : 1955 - Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư cơ khí động lực, Cao cấp lý luận chính trị - Tỷ lệ sở hữu : 5,04%
Huỳnh Nam Anh 	Phó Tổng Giám đốc - Sinh năm : 1966 - Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ khoa học ngành quản lý vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị - Tỷ lệ sở hữu : 0,16%
Phạm Thị Cẩm Hà 	Phó Tổng Giám đốc - Năm sinh : 1965 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển - Tỷ lệ sở hữu : 0,19%
Dương Đình Ninh 	Phó Tổng Giám đốc - Năm sinh : 1956 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác máy tàu biển, cao cấp lý luận chính trị - Tỷ lệ sở hữu : 0,034%
Mai Thị Thu Vân 	Kế toán trưởng - Năm sinh : 1974 - Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế - Tỷ lệ sở hữu : 0,014%

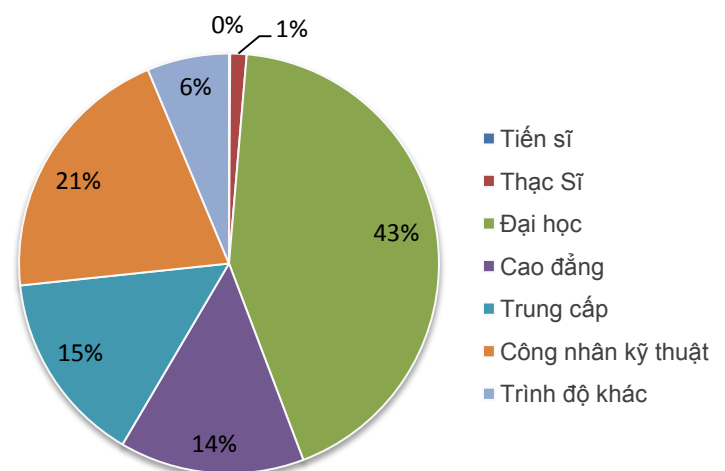
Những thay đổi trong Ban điều hành

Không có

Tình hình lao động

Hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty gặp nhiều khó khăn về thị trường, tài chính, nên việc giải quyết công ăn việc làm cho người lao động là một thách thức, nhưng với tinh thần không bỏ người lao động ra ngoài xã hội, khi họ còn gắn bó với Công ty. Đó cũng là truyền thống quý giá của các thể hệ lãnh đạo của Công ty trải qua các thời kỳ và hiện nay đang phát huy, được cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên trân trọng.

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (31/12/2013)	Số lượng (31/12/2014)	Tỷ trọng (%)
	Tổng số lao động	1.119	1.110	100,00
1	Phân theo trình độ lao động	1.119	1.110	100,00
	- Tiến sĩ	1	1	0,09
	- Thạc sỹ	12	14	1,26
	- Đại học	478	476	42,89
	- Cao đẳng	159	158	14,23
	- Trung cấp	167	165	14,86
	- Công nhân kỹ thuật	231	226	20,36
	- Trình độ khác	71	70	6,31
2	Phân theo công việc	1.119	1.110	100,00
	- Khối trên bờ	170	175	15,76
	- Khối thuyền viên	949	935	84,24
3	Phân theo hợp đồng lao động (HĐLĐ)	1.119	1.110	100,00
	- HĐLĐ không thời hạn	583	581	52,34
	- HĐLĐ từ 1 đến 3 năm	527	524	47,21
	- HĐLĐ dưới 1 năm	9	5	0,45

Cơ cấu lao động năm 2014 theo trình độ

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Những công việc đã làm được năm 2014 và các năm trước đây về chế độ chính sách giải quyết việc làm tại Công ty đối với người lao động là xuyên suốt quá trình phát triển Công ty, thể hiện sự quan tâm sâu sắc và chăm lo cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên các cấp, các đơn vị của Đảng ủy, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Công đoàn Công ty, cũng như Thủ trưởng các đơn vị và có sự đồng thuận nhất trí cao trong toàn Công ty, đã đề cao tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển bền vững Công ty, năm 2014 là năm được đánh giá chất lượng thuyền viên làm việc trên đội tàu ổn định và nâng một bước đáng kể



Chính sách việc làm, điều kiện làm việc

Quy chế tuyển dụng lao động và quản lý cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty

Quy chế tuyển dụng lao động và quản lý cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty ban hành có hiệu lực từ ngày 15/10/2012, thay thế Quy chế Công ty đã ban hành năm 2008. Sau hơn một năm thực hiện, mặc dù chưa có tổng kết, đánh giá, nhưng có nhiều diễn biến tích cực, trước tiên, thu hút, động viên, khuyến khích được sỹ quan thuyền viên đóng góp cho Công ty và ổn định lực lượng sỹ quan thuyền viên gắn bó lâu dài với nghề đi biển, đồng thời, phát huy được vai trò quan trọng để duy trì hoạt động đội tàu ổn định năm 2014, trong điều kiện Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính. Giải quyết chấm dứt HĐLĐ, trợ cấp thôi việc đúng trình tự, chế độ theo quy định của Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, do thực tế gặp khó khăn về tài chính nên việc nộp BHXH nói chung và trợ cấp thất nghiệp có lúc còn chậm, người thất nghiệp đã không đăng ký được để chế độ hưởng trợ cấp do BHXH chi trả. Trong trường hợp người lao động thôi việc thực sự khó khăn về tài chính, Công ty đã hỗ trợ một phần mức trợ cấp thất nghiệp theo quy định, từ nguồn của Công ty. Đây là cố gắng lớn của Công ty và người lao động chia sẻ khó khăn này của Công ty.

Điều kiện làm việc

Công ty có chủ trương xuyên suốt và chú trọng chăm lo đến điều kiện làm việc, môi trường làm việc cho cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty, nên đã đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần tăng năng suất, hiệu quả lao động, đi đôi với bảo đảm sức khỏe, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động (TNLĐ), bệnh nghề nghiệp tại Công ty. Đồng thời tạo nên sự yên tâm, gắn bó với Công ty của người lao động, đặc biệt trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn như hiện nay. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng truyền thống, tạo nên nét văn hóa của doanh nghiệp, môi trường làm việc thân thiện, chan hòa, chia sẻ, giúp nhau cùng tiến bộ.

Khối văn phòng Công ty, các chi nhánh Công ty bảo đảm đầy đủ dụng cụ làm việc cần thiết, phù hợp cho từng chức danh; phòng làm việc ánh sáng đầy đủ, trang bị máy lạnh, thông thoáng; khuôn viên có cây xanh, sạch đẹp, an toàn.

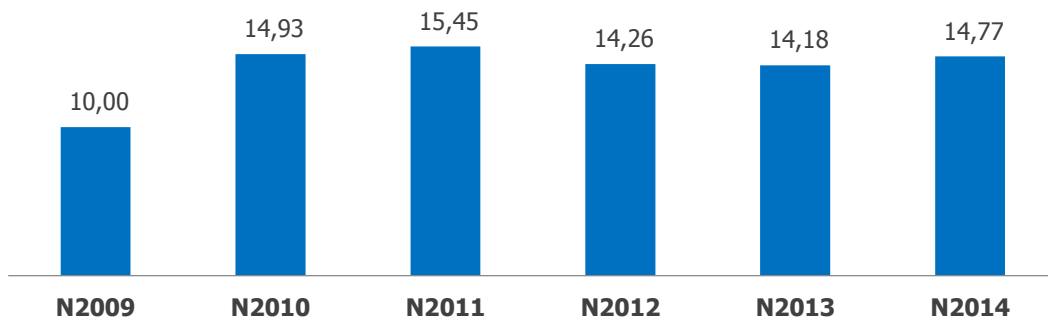
Tại các tàu biển Công ty, do tuổi tàu bình quân được cải thiện đáng kể những năm gần đây, đi đôi với việc từng bước tuân thủ Công ước lao động hàng hải quốc tế (MLC 2006), từ chính sách đến thực hiện, đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Bảo đảm thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi theo quy định của Bộ Luật Lao động, Bộ Giao thông vận tải và Nội quy lao động Công ty và có lợi hơn cho người lao động.

Công tác bảo hộ lao động

Công ty có quy định công tác bảo hiểm lao động, quy định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong hoạt động của mình phải bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại đơn vị, góp phần hoạt động của Công ty có kết quả tích cực, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hàng năm Công ty có lập kế hoạch công tác bảo hộ lao động, bao gồm các chi phí cho: an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Năm 2014 đã không có trường hợp TNLĐ nặng, đặc biệt nào xảy ra, chỉ có một số trường hợp TNLĐ nhẹ trên tàu, đã được khắc phục.

**Chính sách lương thưởng, thu nhập****Tiền lương****Thu nhập bình quân tháng từ 2009 - 2014**

STT	Khối – Đơn vị	Năm 2013			Năm 2014		So sánh (%) (a)/(b)
		LĐ bình quân	Tổng quỹ tiền lương (đồng)	Bình quân thu nhập (đ/ng/tháng) (a)	LĐ bình quân	Bình quân thu nhập (đ/ng/tháng) (b)	
A	Toàn Công ty	1.124	191.207.930.458	14.176.151	1.115	14.777.298	104,24
1	Công nhân trực tiếp	948	159.325.941.654	14.005.445	945	14.611.248	104,33
2	CNV phục vụ	35	3.412.766.588	8.125.635	29	8.425.897	103,40
3	Nhân viên gián tiếp	141	28.469.222.216	16.825.781	141	17.196.504	102,20
B	Sản xuất chính/Vận tải	401	94.679.421.678	19.675.690	403	20.294.482	103,15
5	Công nhân trực tiếp	267	68.345.200.122	21.331.211	269	22.005.367	103,16
6	Công nhân phục vụ	18	1.794.535.177	8.308.033	18	8.611.255	103,65
7	Nhân viên gián tiếp	116	24.539.686.388	17.629.085	116	18.858.303	106,97
C	Sản xuất khác	723	96.528.508.771	11.125.923	712	11.654.199	104,75
8	Tr.đó: -HĐ th/vụ	7	348.601.742	4.150.021	5	4.605.199	110,94
9	-Thuyền viên đi thuê	228	81.383.373.131	29.745.385	224	31.493.638	105,88
10	-Thuyền viên dự trữ	465	8.475.091.465	1.518.834	417	1.594.508	104,98

Năm 2014, tiền lương và phụ cấp bình quân CBNV, SQTV toàn Công ty tăng 4,24% so năm 2013, đây là sự cố gắng rất lớn của Công ty, trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty gặp nhiều khó khăn, thách. Trong đó: Khối sản xuất chính (vận tải biển Công ty) tăng 3,16%, khối sản xuất khác tăng 4,75% so năm 2013.

Phân chia tiền lương, công lao động ngoài chức trách thuyền viên thực hiện đúng quy định và Quy chế trả lương của Công ty. Thực hiện trả lương qua tài khoản cá nhân có tác dụng tốt đối với SQTV làm việc trên tàu.

Mặc dù, do khó khăn về tài chính, thu không đủ bù chi, nợ các nhà cung cấp nhiều, ưu tiên nguồn tiền thu cước cho hoạt động đội tàu Công ty, nhưng Công ty đã chú trọng đúng mức việc trả lương hàng tháng cho CBNV, SQTV, cũng như tiền lương tiêu vật trên tàu cho thuyền viên tại các cảng nước ngoài, không còn tình trạng trả chậm như năm 2013. Tiền công lao động ngoài chức trách của thuyền viên còn tiếp tục nợ, nhưng đó là ngoài ý muốn, mặc dù Công ty có chủ trương ưu tiên cho các khoản chi phí trực tiếp cho SQTV làm việc trên tàu, nhưng trong điều kiện thực tế đầy khó khăn và thách thức của ngành vận tải biển hiện nay đã có những hạn chế nhất định.

Trong năm 2014, đã có tháng lương bổ sung/tháng lương thứ 13. Đến thời điểm này nhìn lại, việc thực hiện tiền lương là thuận lợi hơn năm 2013, đáng chú ý là thời hạn chi trả lương được bảo đảm theo quy định MLC 2006 đối với thuyền viên làm việc trên các tàu Công ty.

Tiền thưởng

Thực hiện việc khen thưởng đúng quy chế của Công ty. Bước đầu công tác khen thưởng có tác dụng nhất định, tuy nhiên do Quỹ khen thưởng còn hạn chế, nên mức chi thưởng hoạt động phong trào các danh hiệu thi đua còn thấp, chưa thật sự khuyến khích được sự đóng góp của tập thể và cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua yêu nước của Công ty.

Phúc lợi công ty

Hoạt động phục vụ cho phúc lợi công cộng tại Công ty năm 2013 đúng theo quy chế, chủ yếu cho hoạt động tham quan, du lịch CBNV, SQTV hàng năm do Công đoàn Công ty đứng ra tổ chức, đạt được kết quả tích cực. Tiếp đó, cho hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho một số đối tượng chính sách Công ty (Bà mẹ Việt Nam anh hùng do Công ty phụng dưỡng, cán bộ lãnh đạo, quản lý nghỉ hưu của Công ty và của Bộ GTVT, Tổng công ty hàng hải Việt Nam) vào dịp Tết Nguyên đán.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Do không có khả năng tài chính nên ngay từ đầu năm Cty đã không lập kế hoạch cho những dự án đầu tư lớn. Trên thực tế, ngay cả những khoản mua sắm, trang bị đã lập kế hoạch cũng không thực hiện được.

Về công tác bán tàu: mặc dù đã hết sức cố gắng nhưng thị trường tàu đã qua sử dụng xuống khá sâu nên Công ty chỉ thực hiện bán được tàu VTC Sky vào tháng 01/2015. Tàu Viễn Đông 3 vẫn chưa thực hiện bán được và dự kiến sẽ thanh toán trong năm 2015.

Tình hình tài chính tại các công ty con, công ty liên kết

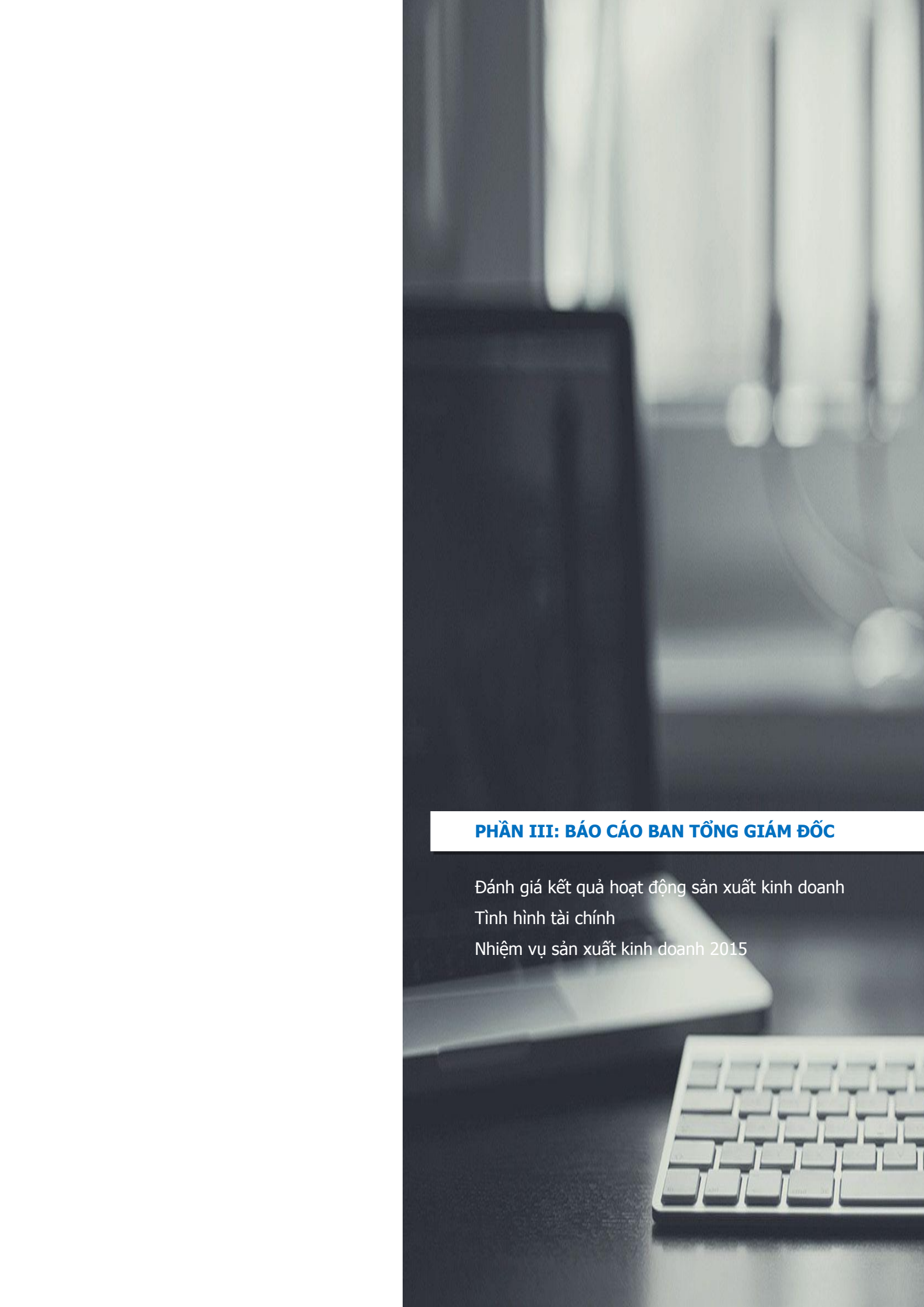
Đơn vị: VNĐ

	CTCP Cung ứng DVHH và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	
	2013	2014
Tổng tài sản	36.219.691.941	35.447.810.685
Doanh thu thuần	237.104.429.166	308.700.000.000
Lợi nhuận sau thuế	(142.272.785)	1.800.000.000
Cổ tức	-	-

Đơn vị: VNĐ

	CTCP TNHH MTV Sửa chữa tàu biển phương Nam	
	2013	2014
Tổng tài sản	8.183.343.181	7.402.733.456
Doanh thu thuần	14.623.978.744	14.300.000.000





PHẦN III: BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2015

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2014***Tình hình kinh tế thế giới*

Thế giới đã trải qua một năm 2014 chật vật với đầy “bất ngờ, bất ổn và bất an”. Kinh tế thế giới phục hồi chậm chạp hơn dự báo, hàng loạt điểm nóng quốc tế bùng lên từ châu Á tới châu Âu mà điển hình là cuộc khủng hoảng Ukraine, tranh chấp trên Biển Đông, từ Bắc Phi tới Trung Đông vốn phức tạp với nhiều mâu thuẫn và kể cả ở Mỹ chủ yếu do chính sách xoay trục an ninh của Mỹ, sự trỗi dậy quyết liệt của Trung Quốc, cuộc đối đầu căng thẳng Đông-Tây và sự nổi lên của tổ chức khủng bố cực đoan IS, giá dầu thô liên tục giảm mạnh còn 50% so với hồi tháng 06/2014 đã làm cho nhiều quốc gia xuất khẩu dầu mỏ trở nên khốn đốn. Ngoài ra, dịch bệnh Ebola bùng phát ở Tây Phi và các vụ tai nạn liên tiếp của ngành hàng không và hàng hải châu Á cũng là những yếu tố làm cho bức tranh 2014 càng trở nên u ám.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã liên tiếp hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2014 chỉ đạt 3,3% (thấp hơn 0,1% so với dự báo đưa ra tháng 7/2014 và 0,4% so với dự báo tháng 4/2014), tuy nhiên đã tăng 0,3% so với 2013 (3%) và tăng 0,1% so với 2012 (3,2%).

Thị trường vận tải hàng rời

Cuối năm 2013, thị trường vận tải hàng khô rời trong năm 2014 được nhận định là sẽ hồi phục và ổn định khi chỉ số BDI đạt 2.113 điểm vào ngày 02/01/2014. Tuy nhiên, thực tế đã không xảy ra như vậy khi tình trạng mất cân đối cung cầu vẫn tiếp diễn dù tốc độ tăng trưởng đội tàu đã giảm khá mạnh (tăng trưởng đội tàu 15% năm 2011, 14% năm 2012, 7,4% năm 2013 và 5,3% năm 2014) trong khi cầu không như kỳ vọng (tăng trưởng thương mại thế giới giảm xuống mức 3% từ dự báo 4,7% một năm trước đó) dù đã cải thiện hơn mức tăng trưởng 2013 (2,1%) và 2012 (2%). Hàng loạt các yếu tố tiêu cực xuất hiện trên thị trường như kinh tế toàn cầu không ổn định, điều kiện thời tiết khắc nghiệt tại Mỹ trong mùa đông, các thị trường đang phát triển và mới nổi tiếp tục xu hướng giảm; nhu cầu nhập quặng sắt từ Trung Quốc bị suy yếu; lệnh cấm xuất khẩu quặng bauxite và quặng nickel thô của Indo có hiệu lực từ ngày 12/1/2014 vẫn còn hiệu lực làm cho tình hình thị trường vận tải biển trở nên khó khăn. Thêm vào đó sự xuất hiện của các tàu Ecoship với ưu điểm hạ giá thành, tiết kiệm chi phí đã gây bất lợi cho thể hệ tàu cũ.

Chỉ số BDI và BHSI vào ngày cuối cùng của năm lần lượt ở mức 782 điểm và 495 điểm, giảm đến 63% và 36% so với hồi đầu năm; bình quân năm 2014 thực hiện lần lượt 1.107 điểm và 524 điểm, giảm 8% và 7% so với năm trước (BDI và BHSI bình quân năm 2013 là 1.207 điểm và 562 điểm, năm 2012 lần lượt là 920 điểm và 516 điểm)

Năm 2014, tình hình kinh doanh của Công ty tiếp tục khó khăn khi hàng hóa phù hợp với đặc điểm các tàu công ty thiếu và nhu cầu không đều, giá cước thấp. Mặc dù tình trạng chờ cầu đã được cải thiện so với năm trước nhưng một số yếu tố khác như bất ổn chính trị, bệnh dịch Ebola, cướp biển Somali, căng phí tăng ở nhiều nơi trên tuyến khai thác của đội tàu... đã làm hạn chế vùng hoạt động cũng như ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh doanh của Công ty. Trước tình hình này, Công ty đã áp dụng hàng loạt biện pháp linh hoạt về khai thác như tăng cường cho thuê định hạn, khai thác tuyến ngắn nội địa hoặc khu vực Đông Nam Á, triệt để tiết kiệm, tránh lãng phí, vận dụng tối đa các chính sách về tài chính, cơ cấu lại nợ.... nên một số chỉ tiêu cơ bản năm 2014 đã thực hiện tốt so với kế hoạch và cải thiện so với năm 2013, cụ thể như sau:

KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2014	Năm 2014	Năm 2013	$\frac{TH2014}{KH\ 2014}$	$\frac{TH2014}{TH2013}$
1. SL vận chuyển	Tấn	1.370.200	1.687.083	1.331.527	123,13%	126,70%
2. SL luân chuyển	Tỷ TKm	10,7	11,66	11,35	109,03%	102,73%
3. Doanh thu	Tỷ VNĐ	1.035,93	1.072,60	1.040,33	103,54%	103,10%
4. Lợi nhuận	Tỷ VNĐ	(191,16)	(158,75)	(274,69)	-	-

Về năng lực vận tải

Đến cuối năm 2014, đội tàu công ty kinh doanh với 12 chiếc, tuổi tàu bình quân 14,3. Tổng trọng tải 252.268 DWT (trong đó có 2 tàu 6.500 DWT, 10 tàu từ 22.000 - 28.000 DWT). Trọng tải bình quân năm 2014 thực hiện 243.827 DWT, giảm 4% so với cùng kỳ 2013 (do tàu VTC Light được bán cuối vào tháng 8/2013, trọng tải 21.964 DWT).

Về thời gian khai thác

- **Thời gian vận doanh** đội tàu thực hiện 96% trên tổng thời gian, tương đương so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên cơ cấu đã thay đổi theo hướng tích cực, cụ thể:

+ Thời gian hành trình chiếm 30%, tăng 8%.

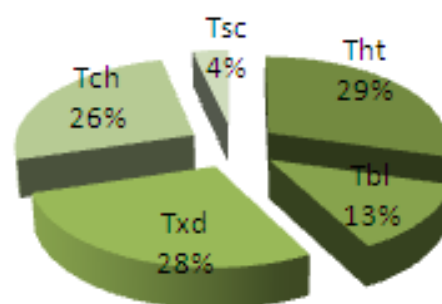
+ Thời gian chạy không hàng chiếm 13%, tăng 19%.

+ Thời gian tàu làm hàng chiếm 29%, tăng 1%.

+ Thời gian tàu neo chờ các loại chiếm 27% (trong đó thời gian tàu chờ cầu, chờ làm hàng chiếm đến 84% tổng thời gian chờ) giảm 15% so với cùng kỳ năm trước.

- **Thời gian sửa chữa** thực hiện tổng cộng 157,3 ngày chiếm 4% trên tổng thời gian; chủ yếu thực hiện sửa chữa định kỳ theo kế hoạch cho các tàu VTC Phoenix, VTC Planet, tàu Viễn Đông 3, VTC Ace, Viễn Đông 5; sửa chữa thường xuyên và sự cố các tàu Viễn Đông 5, VTC Ocean, VTC Dragon.

Thời gian khai thác
Năm 2014



Về chuyến và tuyến kinh doanh

- Năm 2014 đội tàu thực hiện 81,5 chuyến (tăng 4 chuyến so với 2013) trong đó tự khai thác 66,5 chuyến (giảm 6,6 chuyến) và cho thuê định hạn 15 chuyến (tăng 13 chuyến). Kinh doanh chủ yếu trên các tuyến:

+ Trong khu vực Đông Nam Á chiếm 51% (tăng 39% so với cùng kỳ), chủ yếu chở than cám (45%) và gạo (43%)

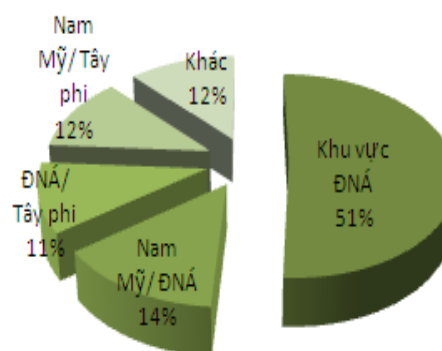
+ Từ Nam Mỹ/ Đông Nam Á chiếm 14% (tăng 19% so với cùng kỳ), chủ yếu chở nông sản

+ Từ Nam Mỹ/ Tây phi chiếm 12% (giảm 16% so với cùng kỳ), chủ yếu chở đường (64%), gạo (25%)

+ Đông Nam Á/ Tây phi chiếm 11% (tăng 8% so với cùng kỳ), chở gạo (56%) và đường (54%).

+ Các tuyến khác: 12%

Tuyến khai thác
năm 2014



Về sản lượng

Năm 2014 toàn công ty thực hiện 1,69 triệu Tấn, vượt 23% kế hoạch và tăng 27% so với cùng kỳ 2013. Trong đó đội tàu công ty thực hiện 1,3 triệu tấn, vượt 6% kế hoạch và tăng 17% (115,4 nghìn tấn) so với 2013 (trong đó tự khai thác thực hiện 998,5 nghìn tấn - giảm 8%, cho thuê định hạn 305,2 nghìn tấn - tăng 853%). Nguyên nhân do thời gian neo chờ đã được cải thiện (giảm 15% so với cùng kỳ), đội tàu tăng cường khai thác các tuyến ngắn trong khu vực Đông Nam Á và cho thuê định hạn chạy nội địa (tàu VTC Planet cho thuê định hạn chạy tuyến ngắn Cẩm phả/ Vĩnh Tân từ đầu tháng 4/2014).

Sản lượng luân chuyển toàn công ty thực hiện 11,7 tỷ TKm, vượt 9% kế hoạch và tăng 2,7% so với cùng kỳ 2013. Trong đó đội tàu thực hiện 11,04 tỷ TKm, vượt 6,5% kế hoạch và chỉ tăng 1,6% so với cùng kỳ do đội tàu giảm khai thác trên các tuyến xa hàng hóa khan hiếm và cước rất thấp.

Về doanh thu, chi phí, lãi/lỗ

Doanh thu vận tải biển thực hiện 1.072,6 tỷ đồng, tăng gần 4% so với kế hoạch và 3% so với cùng kỳ 2013. Trong đó, doanh thu đội tàu Công ty thực hiện 996,6 tỷ đồng (chiếm 93% doanh thu vận tải) đạt yêu cầu kế hoạch và tăng 2% (tương đương 17,3 tỷ đồng) so với năm trước (tự khai thác 948,3 tỷ - giảm 3%, cho thuê định hạn 48,3 tỷ - tăng 887%). Nguyên nhân chủ yếu do sản lượng vận chuyển tăng và cước vận tải trên một số tuyến được cải thiện so với năm 2013 như: khu vực Đông Nam Á cước tăng 18%, Nam Mỹ/ Đông Nam Á tăng 2%.

Tổng chi phí đội tàu năm 2014 thực hiện 1.155,96 tỷ đồng, giảm 3% (3 tỷ đồng) so với kế hoạch và 8% (97,5 tỷ) so với cùng kỳ năm trước. Các khoản mục chi phí lớn đều bám sát kế hoạch và giảm so với 2013. Cụ thể như sau:

- **Chi phí cố định** thực hiện 529,4 tỷ đồng, giảm 2% kế hoạch và gần tương đương so với 2013, chủ yếu do:

- + KHCB đội tàu thực hiện 100% kế hoạch và giảm gần 3% (6 tỷ đồng) so với 2013 do bán tàu VTC Light vào cuối tháng 8/2013.
- + Chi phí sửa chữa giảm 20% so với kế hoạch chủ yếu do chi phí SCTX giảm 33% (thực hiện phân bổ). Tuy nhiên khi so với cùng kỳ chi phí sửa chữa tăng 18%.
- + Chi phí quản lý giảm gần 3% kế hoạch và gần tương đương so với 2013.

- **Chi phí biến đổi** thực hiện 553,8 tỷ đồng, giảm gần 3% (15,6 tỷ đồng) so với kế hoạch và giảm hơn 4% (24 tỷ đồng) so với cùng kỳ 2013, chủ yếu do:

- + Chi phí nhiên liệu thực hiện 462,4 tỷ đồng, tương đương so với kế hoạch. So với năm 2013, chi phí nhiên liệu giảm 4% (18 tỷ đồng) do lượng tiêu thụ DO giảm 12% (giảm năng lực vận tải và thời gian tàu cho thuê định hạn dài hơn). Ngoài ra, giá tiêu thụ DO bình quân giảm 2%, và FO giảm 4%.
- + Cảng phí, đại lý phí thực hiện 74,2 tỷ đồng, giảm hơn 10% (8,8 tỷ đồng) so với kế hoạch (một số tàu cho thuê định hạn, trong đó VTC Planet thuê từ Tháng 4/2014 đến nay) và giảm hơn 3% (2,4 tỷ đồng) so với cùng kỳ phù hợp với giảm tàu VTC Light từ tháng 8/2013.
- + Hoa hồng môi giới thực hiện hơn 13 tỷ đồng, giảm hơn 28% so với kế hoạch và giảm hơn 20% (3,4 tỷ đồng) so với cùng kỳ do tàu chạy tuyến Đông Nam Á không qua môi giới tìm hàng, hoa hồng trên một số chuyến chở nông sản, gạo cũng đã được tiết giảm.

- **Chi hoạt động tài chính** thực hiện 3,8 tỷ đồng, giảm 70% so với kế hoạch và 75% so với cùng kỳ. Trong đó lãi vay ngân hàng chỉ thực hiện 3 tỷ đồng, giảm 9,8 tỷ so với kế hoạch và 10,3 tỷ đồng so với năm trước do cơ cấu lại nợ với một số ngân hàng, được chậm trả lãi vay nên chỉ ghi nhận số thực trả vào chi phí.

Kết quả kinh doanh vận tải biển: năm 2014 toàn công ty lỗ 158,7 tỷ đồng, trong đó đội tàu lỗ 159,4 tỷ đồng: giảm lỗ 32 tỷ đồng so với kế hoạch và 114,8 tỷ đồng so với cùng kỳ 2013.

KINH DOANH CÁC DỊCH VỤ KHÁC TỪ CÁC ĐƠN VỊ

Doanh thu các hoạt động từ tất cả các đơn vị đều thực hiện tốt với 393,86 tỷ đồng, vượt 35% kế hoạch cả năm. So với 2013, doanh thu tăng 18%, hầu hết các đơn vị có doanh thu tăng trưởng so với 2013, ngoại trừ Chi nhánh Quy Nhơn giảm 30%.

TỔNG HỢP TOÀN CÔNG TY

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2014	2014	2013	TH2014 KH2014	TH2014 TH2013
Sản lượng vận chuyển	Tấn	1.370.200,0	1.687.083,0	1.331.526,7	123.13%	126,70%
Sản lượng luân chuyển	Tỷ TKm	10,7	11,7	11,4	109,03%	102,73%
Doanh thu các hoạt động	Tỷ VNĐ	1.305,82	1.447,20	1.354,59	111%	107%
Trong đó:						
+ Kinh doanh vận tải	Tỷ VNĐ	1.035,93	1.072,60	1.040,33	104%	103%
+ Kinh doanh các dịch vụ khác	Tỷ VNĐ	269,89	374,60	314,30	139%	119%
Lãi (+)/Lỗ (-) trước thuế	Tỷ VNĐ	-179,10	-184,70	-223,50	-	-
Lãi (+)/Lỗ (-) sau thuế hợp nhất	Tỷ VNĐ	179,30	-144,80	-223,70	-	-

- **Tổng doanh thu** toàn công ty năm 2014 thực hiện **1.447,2 tỷ đồng**, vượt 11% kế hoạch và tăng 7% (92,6 tỷ đồng) so với năm trước.

- **Toàn Công ty lỗ 184,7 tỷ đồng**. Công ty không thực hiện được kế hoạch bán tàu. Do vậy so với kế hoạch 2014 (không tính đến thu nhập bất thường do bán tàu) thì Công ty đã giảm lỗ 35,3 tỷ và so với 2013 giảm lỗ 53,08 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY

Tình hình tài chính của Công ty năm 2014 tiếp tục khó khăn sau 03 năm lỗ liên tiếp, Công ty đang đứng trước khả năng bị hủy niêm yết bắt buộc. Kết quả này không ngoài dự báo trước đó tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.

Tại thời điểm cuối năm 2014, Công ty lỗ chưa phân phối là 369 tỷ trên vốn điều lệ 590 tỷ đồng. Tổng tài sản là 2.613 tỷ trong khi Tổng nợ phải trả là 2.367 tỷ, trong đó chủ yếu là nợ ngân hàng 2.095 tỷ, nợ các nhà cung cấp 174 tỷ đồng.

Với tình hình này, Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nợ ngân hàng nhằm giảm áp lực trả nợ gốc và lãi vay để có nguồn tiền tập trung cho sản xuất. Nhờ đó, Công ty đã duy trì hoạt động kinh doanh của đội tàu, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách, không nợ thuế, không nợ lương người lao động.

ĐẦU TƯ VÀ BÁN TÀI SẢN

Do tình hình tài chính của Công ty trong thời gian qua vô cùng khó khăn, hơn nữa các dự báo thị trường vận tải biển không có dấu hiệu tích cực nên việc đầu tư các dự án lớn như mua sắm tàu, bất động sản ... không lập kế hoạch từ đầu năm. Trong năm, Công ty chỉ thực hiện một số đầu tư nhỏ nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc, hoàn thiện dự án ERP với tổng mức đầu tư trên 68 triệu đồng.

Các dự án đóng mới tàu VTC Phoenix, VTC Dragon đang tiến hành thực hiện quyết toán hoàn thành, SS1, SS2 quyết toán chi phí ban đầu, dự án đầu tư tàu 56.000 DWT đã từ chối và đang chuẩn bị thanh lý Hợp đồng với Nasico.

Về công tác bán tàu: mặc dù đã hết sức cố gắng nhưng thị trường tàu đã qua sử dụng xuống khá sâu nên Công ty chưa thực hiện bán được tàu Viễn Đông 3 và VTC Sky trong năm 2014. Tàu VTC Sky chỉ mới vừa được thanh lý trong tháng 02/2015.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Năm 2014 với tình hình thị trường vận tải biển và điều kiện tài chính vẫn còn nhiều khó khăn, các phòng ban đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty:

- + Ký tổng cộng 68 Hợp đồng vận chuyển cho đội tàu Công ty.
- + Đòi được các khoản thưởng phạt của tàu thu về cho Công ty 1,62 triệu USD.
- + Thực hiện tốt theo tinh thần công văn số 45/QĐ-TCLĐ ngày 08/2/2014 về việc “thực hành tiết kiệm chống lãng phí và tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm trong năm 2014”, hầu hết các khoản mục chi phí đều giảm so với kế hoạch đầu năm như sửa chữa thường xuyên giảm 8,9 tỷ, phí bảo hiểm tàu giảm gần 0,2 tỷ, chi phí quản lý giảm 0,8 tỷ...
- + Thực hiện ký hợp đồng hạn mức ngắn hạn với VPB, Agribank; tiếp tục đàm phán ký HĐ hạn mức ngắn hạn tại MSB. Làm việc với ngân hàng về điều kiện giải chấp tàu VTC Sky, Viễn Đông 3. Hoàn thành đàm phán và thủ tục trình HĐQT phê duyệt ký phụ lục HĐ tái cơ cấu nợ ACB. Làm việc với Vietcombank, VDB, ACB về tái cơ cấu nợ vay.
- + Thương lượng, thuyết phục các nhà cung ứng kịp thời cung cấp nhiên liệu, vật tư phụ tùng cho đội tàu mặc dù Công ty vẫn còn nợ nhiều nhà cung cấp. Hiện áp lực nợ đã giảm nhiều, không còn căng thẳng như cùng kỳ 2013 do nhờ các ngân hàng thực hiện khoanh nợ, giãn nợ theo chỉ đạo của Chính phủ
- + Bố trí đăng kiểm VR, NK gia hạn các giấy chứng nhận tàu và kiểm tra, bảo dưỡng hàng năm thiết bị cho đội tàu. Giao dịch, ký kết hợp đồng sửa chữa và theo dõi sửa chữa tàu định kỳ theo đúng kế hoạch.
- + Hoàn thành công tác chuẩn bị và triển khai hệ thống MLC 2006 cho toàn đội tàu Công ty.
- + Mặc dù kinh doanh trong điều kiện vô cùng khó khăn nhưng Công ty đã cố gắng không nợ lương, đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ, quyền lợi của người lao động; lương bình quân năm 2014 thực hiện 14,77 triệu/người/tháng.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

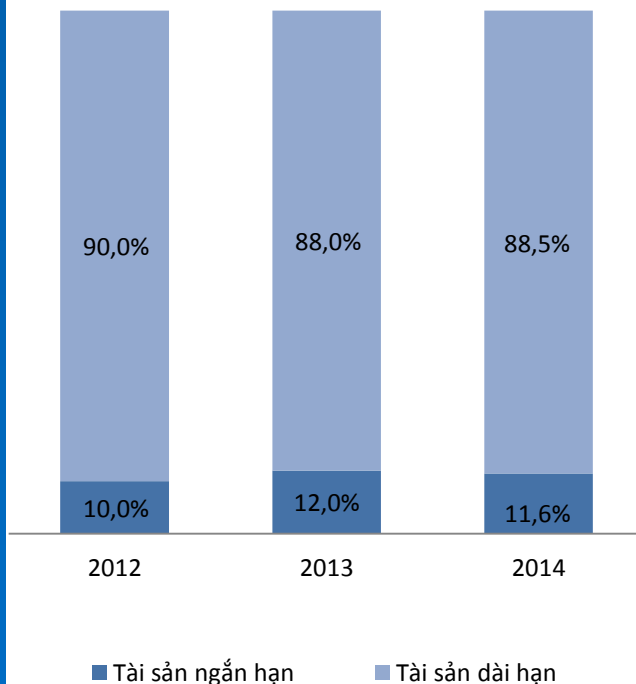
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014
1. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	88,64	90,63
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	11,06	9,04
2. Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	87,96	88,45
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	12,04	11,55
3. Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng tài sản			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,46	0,53
Vòng quay tài sản cố định	Vòng	0,52	0,62

Nhìn chung, các doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận tải hàng hải nói chung và Công ty nói riêng đều mang nét đặc thù trong cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn là tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản và nợ vay chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn.

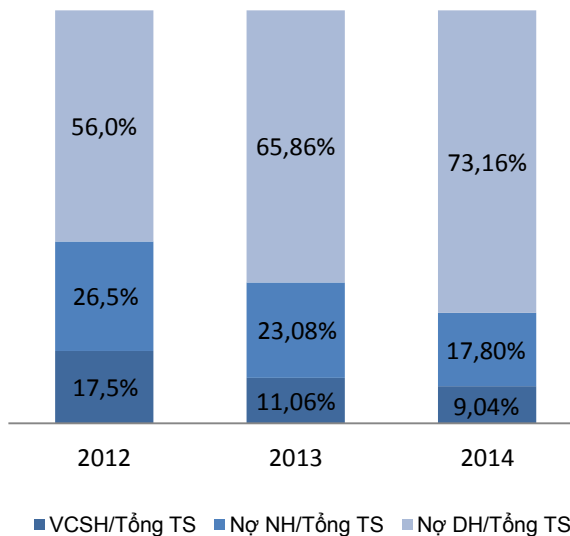
Về cơ cấu tài sản

Tổng giá trị tài sản Công ty đến hết năm 2014 là 2.615 tỷ đồng, giảm 5,3% so với năm 2013. Tài sản ngắn hạn giảm 9,2% nhưng với tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản, tài sản dài hạn giảm 4,8% đã làm tổng giá trị tài sản Công ty thay đổi đáng kể. Trong năm, Công ty đã không thanh lý tài sản do không bán được thêm tàu như dự kiến. Điều này đã làm tài sản cố định hữu hình không thay đổi. Cơ cấu tài sản vẫn ở mức ổn định và mang đặc trưng của một doanh nghiệp vận tải biển với tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản tăng nhẹ từ mức 87,96% lên 88,45% trong năm 2014.



Về cơ cấu nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn của công ty trong năm 2014 tiếp tục chuyển biến theo hướng kém tích cực hơn với sự gia tăng của tỷ trọng nợ dài hạn và giảm tỷ trọng vốn chủ sở hữu. Điều này là do kết quả thua lỗ làm “bào mòn” vốn chủ sở hữu của công ty, trong khi dự nợ vay dài hạn vẫn đang tăng dần (từ 1.780 tỷ đồng năm 2013 lên 1.893 tỷ đồng năm 2014).



Về ảnh hưởng của lãi suất vay

Để đáp ứng cho nhu cầu phát triển, hiện tại Công ty đang sử dụng nguồn vốn vay với giá trị 2.096 tỷ đồng. Nếu lãi suất tăng cao sẽ gây áp lực cho Công ty trong việc trả lãi vay và làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên trong năm 2014, lãi suất cho vay vẫn tiếp tục giảm nhẹ so với 2013, nên chi phí lãi vay của công ty đã giảm mạnh từ khoảng 22,6 tỷ năm 2013 xuống còn 11,3 tỷ năm 2014. Năm 2015 được dự báo mặt bằng lãi suất sẽ tiếp tục ổn định ở mức thấp. Do đó, rủi ro về lãi suất của Công ty không cao.

Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải biển quốc tế, phần lớn doanh thu và chi phí của Vitranschart là bằng ngoại tệ nên sự biến động của tỷ giá hối đoái có tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty. Trong năm 2014, khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện là 7,6 tỷ đồng, và lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện là 17,87 tỷ đồng. Ngoài ra, các khoản chi phí của Công ty như chi phí nhiên liệu trả cho các nhà cung cấp, cảng phí trả cho đại lý nước ngoài,..., đều thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ. Theo đó, sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ nhìn chung sẽ làm phát sinh thêm chi phí và làm giảm lợi nhuận của Công ty.



NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH 2015

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2015

Viễn cảnh kinh tế thế giới năm 2015 dự báo sẽ vẫn còn nhiều chông gai. Những hy vọng kinh tế thế giới sẽ có chuyển biến tốt hơn năm 2014 đang dần tan biến, khi cả IMF và WB đều đồng loạt hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2015 lần lượt xuống còn 3,5% và 3% so với mức dự báo 3,8% và 3,4% đưa ra hồi cuối năm 2014. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, Nhật Bản và các nước khu vực châu Âu sẽ kém khả quan. Các nước như Nga, Brazil, Saudi Arabia, Iraq và Iran dự báo tiếp tục suy yếu trong năm nay do kinh tế các nước này phụ thuộc nhiều vào các tài nguyên thiên nhiên; trong khi giá dầu cũng như các hàng hóa khác giảm mạnh. Chiến sự tại Ukraine cùng các diễn biến phức tạp từ các hoạt động của tổ chức IS... cũng ảnh hưởng xấu đến kinh tế thế giới. Tăng trưởng kinh tế thế giới 2015 dự báo sẽ phụ thuộc nhiều vào việc duy trì tăng trưởng theo hướng tích cực của các nền kinh tế như Mỹ và Anh.

Mặc dù nhu cầu vận chuyển vẫn tăng dần, nhưng chỉ số BDI giảm mạnh là do lượng cung tàu toàn cầu tăng mạnh (thậm chí có nhiều chủ tàu đang đóng tàu dầu thì chuyển đổi công năng sang tàu hàng rời), bình quân trọng tải tàu toàn cầu tăng 10-12%/năm khiến giá cước BDI lình xình ở mức đáy trong suốt 5 năm qua.

Dự kiến nhu cầu vận tải hàng khô sẽ tăng trưởng 4 - 4,7% (nhu cầu vận chuyển quặng sắt của Trung Quốc tiếp tục đóng vai trò chủ đạo). Trong khi đó đội tàu hàng khô dự kiến tăng trưởng 5,1% (năm 2014 tăng 5,5%). Như vậy tình trạng mất cân đối cung cầu vẫn còn tiếp diễn và thị trường vận tải hàng khô rời trong năm 2015 có thể là năm khá tồi tệ cho dù tình hình sẽ không quá bi thảm như những tháng đầu năm 2015. Khó có thể nhìn thị trường một cách lạc quan hơn khi chỉ trong vài tháng đầu năm 2015, chỉ số BDI đã rơi xuống quanh ngưỡng 500 điểm – mức thấp nhất trong lịch sử 30 năm.

Năm 2015, Công ty vẫn thực hiện chính sách triệt để tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí, bên cạnh đó được giãn trả lãi vay và thanh lý tàu, nên chi phí cố định sẽ tiếp tục giảm đáng kể so với những năm trước. Mặt bằng giá xăng dầu đã giảm mạnh trong năm 2015 sẽ tạo điều kiện thuận lợi để đội tàu giảm mạnh giá thành vận hành từng chuyến. Tuy nhiên, tình trạng chờ cầu, chờ hàng vẫn còn tiếp diễn nên có thể làm giảm hiệu quả khai thác tàu. Ngoài ra, cạnh tranh giữa các chủ tàu sẽ càng gay gắt khi ngày càng nhiều tàu đóng mới hiện đại, tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường được đưa vào khai thác.

KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2015

Chỉ tiêu	Đvt	KH 2015	NĂM 2014	<u>KH 2015</u> <u>TH 2014</u>
1. Sản lượng VC	Tấn	1.973.034	1.687.083	116,95%
2. Sản lượng LC	Tỷ TKm	8,22	11,66	70,51%
3. Doanh thu	Tỷ VNĐ	1.079,00	1.447,20	74,56%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	(109,04) (*)	(184,71)	

(*) Lợi nhuận đã tính tới lợi nhuận bán tàu VTC Sky và Viễn Đông 3.

Năm 2015, Công ty tiếp tục không đầu tư phát triển đội tàu, tuy nhiên việc đầu tư khu văn phòng chính 428 Nguyễn Tất Thành cần xem xét vì đến hết 31/12/2015 phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Việc bán tàu Viễn Đông 3 và VTC Sky tiếp tục thực hiện. Trên thực tế, tàu VTC Sky đã được bán và bàn giao tàu cho Người mua vào ngày 29/01/2015 với giá bán 142 tỷ đồng.

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Tiếp tục thực hiện các giải pháp đã có hiệu quả trong năm 2014

- Tăng cường cho thuê định hạn để giảm thiểu những rủi ro do hàng hóa khan hiếm, chờ cầu, thiếu vốn lưu động, linh động khai thác phù hợp với tình hình thị trường.
- Tận dụng cơ hội thị trường cước thấp để thuê tàu trần (bare boat) hoạt động, nhằm tăng năng lực vận tải cho đội tàu, vừa tạo việc làm cho SQTV.
- Thông qua đại lý, các nhà môi giới để cập nhật, đánh giá lại năng lực các cảng mà tàu Công ty có kế hoạch đến làm hàng trước khi ký hợp đồng vận chuyển nhằm tránh tình trạng tàu phải nằm chờ chờ hàng, chờ cầu bến...; hợp tác chặt chẽ với chủ hàng, đại lý, chính quyền cảng để thu xếp cho tàu làm hàng sớm nhất, giảm thiểu thời gian chờ đợi.
- Tiếp tục kiểm soát tốc độ chạy tàu, đảm bảo tàu vận hành với tốc độ hợp lý nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu; giám sát chặt chẽ định mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhớt, nước ngọt...
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo quản tàu; lập kế hoạch mua phụ tùng thay thế phù hợp, đúng thời điểm, không thay quá sớm so với quy định để tránh lãng phí, không sử dụng quá thời gian quy định để tránh rủi ro, sự cố, hỏng hóc.
- Đẩy mạnh công tác huấn luyện và đào tạo thuyền viên trên tàu và trong thời gian dự trữ để nâng cao trình độ nghiệp vụ, sẵn sàng công tác đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Công ty và ngành
- Duy trì hoạt động an toàn, liên tục cho đội tàu, đảm bảo an toàn tối đa cho con người, phương tiện và hàng hóa, tránh bị bắt giữ hoặc bị từ chối cung cấp nhiên liệu, vật tư, dịch vụ do nợ nhiều và quá hạn.
- Khắc trương khắc phục các thiếu sót, không phù hợp và khuyến cáo của PSC và đăng kiểm... và hoàn thiện hệ thống quản lý MLC-2006, ISM Code, ISPS tránh bị PSC bắt lỗi và đưa vào danh sách đen gây ảnh hưởng đến hoạt động của tàu và uy tín của Công ty trên thị trường vận tải biển quốc tế.
- Quản lý chặt chẽ định mức chi phí, kiểm soát thu chi hợp lý và kịp thời, vận dụng chính sách tài chính kế toán phù hợp từng hoàn cảnh.
- Nâng cao kỷ luật lao động bằng áp dụng các qui chế, qui định mới do Tổng Giám đốc ban hành về quản lý hàng hóa, nhiên liệu, vật tư phụ tùng ...
- Tiếp tục đàm phán, thống nhất lịch trả nợ và lãi vay tại ngân hàng VDB và Vietcombank theo hướng khoanh nợ, xóa lãi giai đoạn 2014-2018, đàm phán với các ngân hàng Bảo Việt Bank, Ngân hàng Hàng hải để tiếp tục được giãn trả nợ trong giai đoạn 2016 -2020.
- Duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh khác mà Công ty có lợi thế như cho thuê thuyền viên, kinh doanh clinker thạch cao, đảm bảo các đơn vị trực thuộc, các Công ty liên kết có thể tự cân đối thu chi có lãi, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động.





PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá về hoạt động Ban Tổng Giám đốc
Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**Tình hình chung kinh tế thế giới**

Năm 2014 đã chứng kiến sự ì ạch của cỗ xe kinh tế toàn cầu, trong đó sự phục hồi ngày càng rõ nét của kinh tế Mỹ chỉ đủ bù đắp cho sự phục hồi kinh tế chậm chạp của khu vực châu Âu, sự đi xuống kinh tế Nhật Bản và sự giảm tốc tăng trưởng ở Trung Quốc. Kinh tế Nga, Brazil, Saudi Arabia, Iraq và Iran bị ảnh hưởng tiêu cực do kinh tế các nước này phụ thuộc nhiều vào các tài nguyên thiên nhiên. Trong khi không chỉ giá dầu tụt dốc, mà giá quặng sắt và than cũng giảm mạnh. Giá dầu thô chạm ngưỡng thấp nhất trong bốn năm trở lại đây sau khi OPEC quyết định không cắt giảm sản lượng dầu. 12 thành viên OPEC đã quyết định duy trì sản lượng 90 triệu thùng dầu mỗi ngày như đã nhất trí trước đó vào tháng 12 năm 2011.

Căng thẳng địa chính trị tại Ukraina, mâu thuẫn chính trị giữa các quốc gia lớn như EU-Nga, Nhật Bản-Bắc Triều Tiên, Trung Quốc và các nước quanh khu vực, bất ổn Trung Đông, dịch bệnh Ebola, nạn cướp biển gia tăng đặc biệt tại khu vực Đông Nam Á.... tiếp càng làm cho tình hình kinh tế thế giới trở nên khó khăn.

Tình chung ngành vận tải biển

Cuối năm 2013, thị trường vận tải hàng khô rời trong năm 2014 được nhận định là sẽ hồi phục và ổn định khi chỉ số BDI đạt 2.113 điểm vào ngày 02/01/2014. Tuy nhiên thực tế đã không xảy ra khi tình trạng mất cân đối cung cầu vẫn tiếp diễn dù tốc độ tăng trưởng đội tàu đã giảm khá mạnh (tăng trưởng đội tàu 15% năm 2011; 14% năm 2012; 7,4% năm 2013 và 5,3% năm 2014) trong khi cầu không như kỳ vọng (tăng trưởng thương mại thế giới giảm xuống mức 3% từ dự báo 4,7% một năm trước đó) dù đã cải thiện hơn mức tăng trưởng 2013 (2,1%) và 2012 (2%). Hàng loạt các yếu tố tiêu cực xuất hiện trên thị trường như kinh tế toàn cầu không ổn định, điều kiện thời tiết khắc nghiệt tại Mỹ trong mùa đông, các thị trường đang phát triển và mới nổi tiếp tục xu hướng giảm; nhu cầu nhập quặng sắt từ Trung Quốc bị suy yếu; lệnh cấm xuất khẩu quặng bauxite và quặng nickel thô của Indonesia có hiệu lực từ ngày 12/1/2014 làm cho tình hình thị trường vận tải biển trở nên khó khăn. Thêm vào đó sự xuất hiện của các tàu Ecoship với ưu điểm hạ giá thành, tiết kiệm chi phí đã gây bất lợi cho thể hệ tàu cũ.

Chỉ số BDI và BHSI vào ngày cuối cùng của năm lần lượt ở mức 782 điểm và 495 điểm, giảm đến 63% và 36% so với hồi đầu năm; bình quân năm 2014 thực hiện lần lượt 1.107 điểm và 524 điểm, giảm 8% và 7% so với năm trước. (BDI và BHSI bình quân năm 2013 là 1.207 điểm và 562 điểm, năm 2012 lần lượt là 920 điểm và 516 điểm).



TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Năm 2014, tổng hợp tình hình tài chính chung của Công ty tiếp tục khó khăn trong khai thác vận tải biển. Giá cước tiếp tục giảm xuống mức thấp trong khi chi phí đầu vào liên tục tăng như giá nhiên liệu, vật tư phụ tùng, điện... chi phí khấu hao (do năm 2014 không được áp dụng cơ chế giãn khấu hao), chênh lệch tỷ giá, chi phí lãi vay cao đã ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Các ngân hàng siết chặt việc cho các doanh nghiệp vận tải vay vốn lưu động do lo ngại về khả năng thanh toán nên buộc các doanh nghiệp phải tăng tỷ lệ ký các hợp đồng thuê tàu định hạn để giảm gánh nặng về vốn lưu động. Việc thanh toán chậm, không đúng theo thỏa thuận cho các nhà cung cấp đã khiến các công ty bị hạn chế trong việc lựa chọn nhà cung cấp, thời gian đàm phán kéo dài, ảnh hưởng đến thời gian quay vòng của tàu và công tác bảo dưỡng tàu.

Năm 2014 Công ty tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức xuất phát từ nội tại doanh nghiệp cũng như sự suy giảm của thị trường. Công ty chịu sức ép lớn từ việc thanh toán nợ, tìm kiếm nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất, đồng thời phải tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, việc làm cho người lao động trong điều kiện thị trường vận tải biển chưa có dấu hiệu phục hồi, cạnh tranh gay gắt, chi phí đầu vào tăng cao. Tuy nhiên, với sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, các Bộ ngành và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nên Công ty đã nỗ lực giải quyết những tồn đọng, khó khăn, tăng cường sự phối hợp nội bộ, phấn đấu duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 cụ thể như sau:*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Kết quả hoạt động SXKD	2013	2014
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.322.158,2	1.418.961,9
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	-117.211,7	-80.013,0
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-237.997,9	-184.132,1
Lợi nhuận khác	14.505,0	-572,9
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-223.492,9	-184.705,1
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-223.717,8	-144.237,1
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-61,7	549,5
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	-223.656,1	-144.786,6

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản	2013	2014
Tài sản ngắn hạn	332.607,8	302.064,7
Tài sản dài hạn	2.430.007,9	2.313.101,1
Tổng tài sản	2.762.615,7	2.615.165,8
Nguồn vốn	2013	2014
Nợ phải trả	2.448.743,0	2.370.028,9
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>629.302,8</i>	<i>456.736,8</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>1.819.440,2</i>	<i>1.913.292,0</i>
Vốn chủ sở hữu	305.572,2	236.287,0
Lợi ích cổ đông thiểu số	8.300,5	8.850,0
Tổng nguồn vốn	2.762.615,7	2.615.165,8

Tình hình thực hiện kế hoạch 2014

Chỉ tiêu	Đvt	KH 2014	TH 2014	<u>TH 2014</u> <u>KH 2014</u>
1. Sản lượng VC	Tấn	1.370.200	1.687.083	123,13%
2. Sản lượng LC	Tỷ TKm	10,7	11,7	109,03%
3. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ VNĐ	1.305,8	1.447,2	111,00%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	(179,1)	(184,7)	-



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2014, với tình hình khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành kinh doanh vận tải biển nói riêng, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện được năng lực tốt, thực hiện các giải pháp kịp thời, linh hoạt giúp Công ty duy trì hoạt động SXKD ổn định, đảm bảo an toàn cho đội tàu và công ăn việc làm cho người lao động, phần đầu thực hiện kế hoạch đã đề ra. Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Tổng Giám đốc đã có sự chuẩn bị chu đáo phương án ứng phó trước những biến động khó lường trên thị trường nói chung và ngành vận tải biển nói riêng.

Ban Tổng Giám đốc đã nắm bắt kịp thời những chuyển biến về kinh tế vĩ mô, những chuyển dịch và cạnh tranh trong ngành, kịp thời đưa ra những quyết sách, tạo động lực cho tập thể cán bộ nhân viên Công ty cùng chung sức, đoàn kết, nhất trí đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn.

So với nhiều doanh nghiệp cùng ngành có nguy cơ ngừng hoạt động hoặc phải hoạt động cầm chừng, thu hẹp quy mô, Công ty Cổ phần Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam vẫn duy trì hoạt động ổn định. Đây là một thành công của Công ty trong năm vừa qua, trong đó có sự đóng góp đáng ghi nhận của Ban Tổng Giám đốc.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Tập trung mọi nguồn lực để vượt qua khủng hoảng, duy trì sự tồn tại và phát triển khi có cơ hội;
- Thanh lý tài sản, đầu tư hợp lý nhằm đảm bảo vận hành đội tàu bình thường, cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên có việc làm và thu nhập;
- Thu hẹp các ngành kinh doanh thua lỗ nặng;
- Thu hẹp bộ máy gọn nhẹ theo lộ trình phù hợp;
- Nghiên cứu khai thác hình thức kinh doanh mới, tuyến mới và khách hàng mới nhằm tăng hiệu quả kinh doanh;
- Đàm phán để có sự hỗ trợ về thanh khoản của Ngân hàng và nhà cung cấp hợp lý;
- Phát huy tối đa sự hỗ trợ của Nhà nước về chính sách và vốn.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

Chỉ tiêu	Đvt	KH 2015	NĂM 2014	<u>KH 2015</u> <u>TH 2014</u>
1. Sản lượng VC	Tấn	1.973.034	1.687.083	116,95%
2. Sản lượng LC	Tỷ TKm	8,22	11,66	70,51%
3. Doanh thu	Tỷ VNĐ	1.079,00	1.447,20	74,56%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	(109,04) (*)	(184,71)	

* Ghi chú: Lợi nhuận: đã tính đến lợi nhuận bán 2 tàu VTC Sky và Viễn Đông 3

- Kế hoạch đầu tư: Năm 2015, công ty tiếp tục không đầu tư phát triển đội tàu. Tuy nhiên, việc đầu tư khu văn phòng chính 428 Nguyễn Tất Thành cần xem xét vì đến hết 31/12/2015 phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.
- Kế hoạch bán tàu: Việc bán tàu Viễn Đông 3 và VTC Sky tiếp tục thực hiện. Trên thực tế, tàu VTC Sky đã được bán và bàn giao tàu cho Người mua vào ngày 29/01/2015 với giá bán 142 tỷ đồng.

Năm 2014 là năm mà VST tiếp tục đối mặt với muôn vàn khó khăn và Công ty đã nỗ lực hết sức mình để cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Mặc dù Công ty đã tận dụng mọi lợi thế kinh doanh để tăng doanh thu, triển khai hàng loạt các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, nhưng kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 chưa đạt được như kỳ vọng. Mặt khác, song song với những tồn đọng và khó khăn duy trì từ nhiều năm qua do khủng hoảng kinh tế kéo dài, thị trường vận tải biển hàng khô qua 3 tháng đầu năm 2015 lại cho thấy tín hiệu xấu khi các chỉ số liên tục đi xuống nhất là chỉ số BHSI là chỉ số tác động trực tiếp đến kinh doanh đội tàu handysize của công ty vốn không được phục hồi mạnh mẽ như các size tàu lớn vào nửa cuối năm 2014 thì nay lại có xu hướng giảm. Do vậy, trong năm 2015 công ty phải tiếp tục sẵn sàng ứng phó và quyết tâm cao độ để vượt qua thách thức mới, cố gắng thực hiện mục tiêu tồn tại, chờ cơ hội phát triển khi thị trường vận tải biển phục hồi.





PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

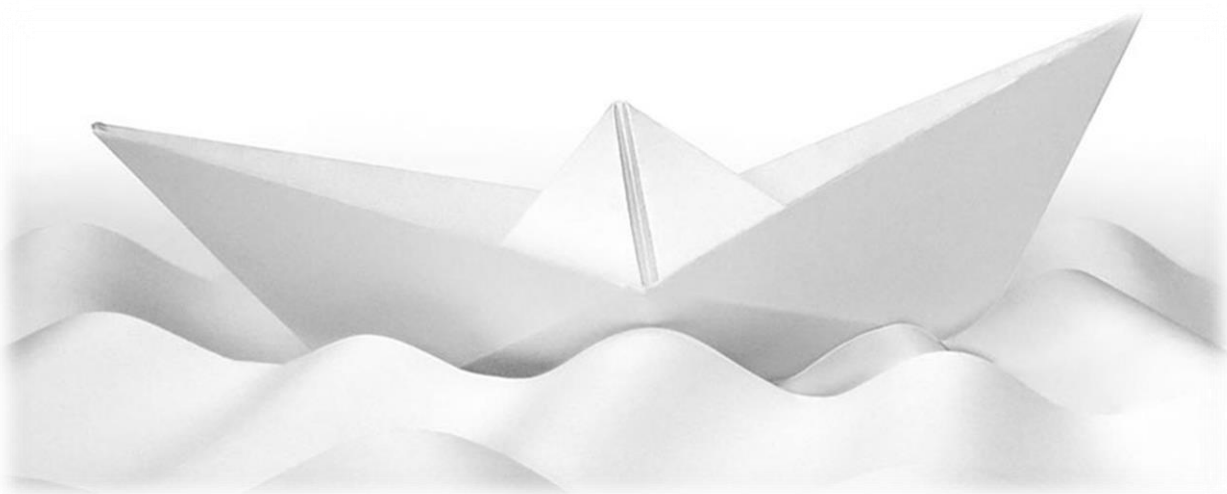
Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS

Thông tin cổ phần và cổ đông

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị	
Huỳnh Hồng Vũ 	Chủ tịch - Sinh Năm : 1957 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác vận tải biển, Thạc sĩ kinh tế vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị. - Tỷ lệ sở hữu : 0,077%
Trương Đình Sơn 	Phó Chủ tịch - Sinh năm : 1955 - Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư cơ khí động lực, Cao cấp lý luận chính trị - Tỷ lệ sở hữu : 5,04%
Phạm Thị Cẩm Hà 	Thành viên - Năm sinh : 1965 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển - Tỷ lệ sở hữu : 0,19%



Hội đồng Quản trị**Huỳnh Nam Anh****Thành viên**

- Sinh năm : 1966
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ khoa học ngành quản lý vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị
- Tỷ lệ sở hữu : 0,16%

Nguyễn Minh Cường**Thành viên**

- Sinh năm : 1974
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản lý
- Tỷ lệ sở hữu : 0%
- Chức danh tại công ty khác : Chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật tại Công ty Cổ Phần QLQ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông

Thay đổi nhân sự trong năm

Không có sự thay đổi trong HĐQT trong năm 2014.

Các thành viên độc lập

Trong Hội đồng Quản trị của Công ty có thành viên Nguyễn Minh Cường là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phối hợp với các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị trong các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong việc định hướng và đề ra các chiến lược giúp công ty duy trì hoạt động ổn định, phát triển bền vững.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức 4 cuộc họp.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch HĐQT	4	100%
2	Ông Trương Đình Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	4	100%
3	Ông Huỳnh Nam Anh	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	4	100%
4	Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	4	100%
5	Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên HĐQT	4	100%

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động của BTGD và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với BKS Công ty kiểm tra các vấn đề:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ và HĐQT đề ra.
- Các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT và các quyết định HĐQT đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện.
- HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời BTGD đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 05 nghị quyết và 09 quyết định liên quan đến tất cả các hoạt động công tác tổ chức, nhân sự, sản xuất kinh doanh, đầu tư... Các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

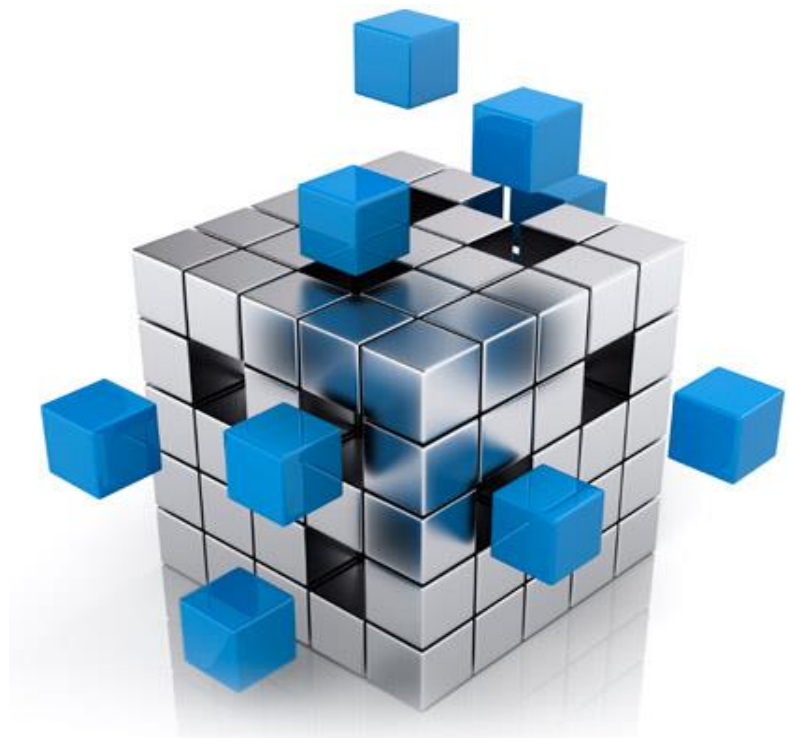
STT	Số nghị quyết	Số quyết định	Ngày	Nội dung
1		01/QĐ-HĐQT	11/02/2014	V/v Thành lập Ban Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2014
2	02/NQHĐQT		04/04/2014	V/v ĐHCĐ thường niên năm 2014 của PDIMEX JSC
3	03/NQHĐQT		14/04/2014	V/v Phiên họp HĐQT ngày 08 tháng 4 năm 2014
4	04/NQHĐQT		12/06/2014	V/v Phê duyệt chủ trương hợp tác chuyển nhượng diện tích đất tại 12Bis Nguyễn Huệ và khu đất phía sau văn phòng 428 Nguyễn Tất Thành
5	05/NQHĐQT		23/07/2014	V/v Phiên họp HĐQT ngày 23 tháng 7 năm 2014
6		06/QĐ- HĐQT	07/08/2014	V/v Thành lập “Ban chỉ đạo tổ chức kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty”
7		07/QĐ - HĐQT	26/08/2014	V/v Bán tàu Viễn Đông 3 – Trọng tải 6.596 DWT
8	08/NQ - HĐQT		30/10/2014	V/v Phiên họp HĐQT ngày 22 tháng 10 năm 2014
9		09/QĐ - HĐQT	26/11/2014	V/v Tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” năm 2014
10		10/QĐ - HĐQT	02/12/2014	V/v Thoái vốn của Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Công ty CP Cung ứng dịch vụ Hàng hải và Xuất Nhập khẩu Phương Đông
11		11/QĐ - HĐQT	18/12/2014	V/v Cử cán bộ Công ty đi công tác nước ngoài
12		12/QĐ - HĐQT	23/12/2014	V/v Phê duyệt bán tàu VTC Sky
13		13/QĐ - HĐQT	25/12/2014	V/v Nâng bậc lương năm 2014
14		14/QĐ - HĐQT	25/12/2014	V/v Nâng bậc lương chuyên viên chính năm 2014

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị

Để nâng cao hiệu quả quản lý, HĐQT Công ty thành lập 03 tiểu ban gồm: Tiểu ban Kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty; Tiểu ban Nhân sự và lương thưởng, Tiểu ban Quản lý tài chính và kiểm toán. Thành viên của các Tiểu ban đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Không có



BAN KIỂM SOÁT**Các thành viên Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát	
Nguyễn Thị Hiền 	Trưởng ban - Sinh năm : 1968 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển - Tỷ lệ sở hữu : 0,008%
Nguyễn Thị Băng Tâm 	Thành viên - Năm sinh : 1961 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển, Cử nhân Ngữ Văn Anh. - Tỷ lệ sở hữu : 0,018%
Hoàng Thị Thanh Phương 	Thành viên - Năm sinh : 1957 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán - Tỷ lệ sở hữu : 0%

Về công tác tổ chức nhân sự của ban kiểm soát

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 nhân sự Ban Kiểm soát không thay đổi, gồm 03 thành viên.

1. Bà Nguyễn Thị Hiền : Trưởng ban - được bầu thay thế;
2. Bà Nguyễn Thị Băng Tâm : Thành viên từ nhiệm kỳ 2008 - 2012.
3. Bà Hoàng Thị Thanh Phương : được bầu thay thế.

Những kỳ họp trong năm 2014

2 kỳ chính thức với nội dung chính như sau:

Kỳ họp	Thời gian	Nội dung
Kỳ 1	08/04/2014	Kiểm điểm đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2013: kết quả thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2013; kết quả giám sát Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc công ty; tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT công ty; sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, ban Tổng giám đốc công ty. Phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2014.
Kỳ 2	22/08/2014	Kiểm điểm đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong 6 tháng đầu năm 2014: kết quả soát xét báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên tại ngày 30/06/2014; kết quả giám sát Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc công ty; tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT công ty; sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty. Phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát 6 tháng cuối năm 2014.

Những công việc triển khai thực hiện

- Đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị; đại diện BKS còn tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng về tình hình sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc Công ty để nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động, thực hiện quy chế Công ty và tham gia đóng góp ý kiến kịp thời đối với các vấn đề liên quan.
- Đã bám sát các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, các quy định tại điều lệ công ty, các quy chế, nội quy, quyết định của công ty và các quy định pháp luật của nhà nước có liên quan để giám sát, kiểm tra quá trình triển khai và kết quả thực hiện.
- Đã tổ chức xem xét, thẩm tra các BCTC quý, BCTC bán niên, BCTC năm 2014 của Công ty được soát xét/kiểm toán bởi Cty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA).
- Thực hiện một số công việc khác theo quy định.

Đánh giá chung

- Năm 2014 trong nhiệm kỳ 2013-2017, Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng, Điều lệ hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Các Thành viên Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công theo đúng chức năng nhiệm vụ và bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã hợp bàn rút kinh nghiệm, căn cứ vào tình hình thực tế để điều chỉnh phương pháp làm việc, bổ sung các nội dung cần lưu ý để thực hiện giám sát cho phù hợp. Tuy nhiên trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, hoạt động sản xuất kinh doanh còn tiềm ẩn nhiều rủi ro ngoài tầm kiểm soát thì công tác kiểm soát không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.
- Do hạn chế về vị trí địa lý và để tiết kiệm chi phí, ngoài các phiên họp tập trung chính thức, Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên thường xuyên trao đổi thông tin, công việc bằng email và điện thoại.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT**Hội đồng Quản trị trong công tác quản lý điều hành hoạt động Công ty**

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 nhân sự HĐQT không thay đổi, theo đó HĐQT có 5 thành viên. Trong đó có 4 thành viên là Người đại diện quản lý phần vốn nhà nước thuộc sở hữu của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, chiếm 60% vốn điều lệ. Thành viên HĐQT không nằm trong Ban Tổng giám đốc là 02 thành viên, trong đó có một thành viên độc lập. Chủ tịch HĐQT chuyên trách.
- Các thành viên HĐQT đều thực hiện đầy đủ trách nhiệm nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty và Quy chế quản trị Công ty. Các thành viên HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra các quyết định kịp thời.
- HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của công ty. Trong năm 2014 HĐQT đã họp 4 lần, ban hành 05 Nghị quyết và 09 Quyết định liên quan đến công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD, tổ chức nhân sự, chế độ chính sách, đầu tư... Các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất của các thành viên và phù hợp với Điều lệ hoạt động của Công ty, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 và quy định của pháp luật hiện hành.

Ban điều hành Công ty

- Ban Tổng giám đốc Công ty hiện nay có 4 thành viên, gồm Tổng giám đốc và 3 Phó Tổng giám đốc.
- Tổng giám đốc đã có những chỉ đạo điều hành rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Đã nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý, phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của công ty, thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động. Tổ chức thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.
- Các Phó Tổng giám đốc đã hoàn thành trách nhiệm của mình theo sự thống nhất phân công của Tổng giám đốc.
- Trước thực trạng tình hình vận tải biển nước ta vẫn còn chìm sâu trong khó khăn về giá cước, chi phí giá thành tiếp tục tăng và chịu ảnh hưởng nặng nề từ chi phí đầu tư đội tàu (chi phí vốn bao gồm khấu hao, lãi vay và chênh lệch tỷ giá), Tổng giám đốc và các thành viên trong ban tổng giám đốc đã điều hành năng động với tinh thần trách nhiệm cao và kịp thời đưa ra các biện pháp linh hoạt như tăng cường khai thác tuyến ngắn trong khu vực Đông Nam Á, cho thuê định hạn chạy tuyến nội địa,... để hạn chế ảnh hưởng xấu của thị trường, nhằm thực hiện các chỉ tiêu cơ bản về kế hoạch sản xuất kinh doanh, đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm tăng nguồn thu, quản lý chi phí chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, tránh lãng phí, tăng cường tìm kiếm nguồn hàng, giảm thiểu thời gian tàu chờ hàng, vận dụng tối đa các chính sách tài chính, cơ cấu lại nợ, quản lý tốt nguồn vốn, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, thực hiện cân đối các khoản thu - chi, giảm lỗ tối đa, duy trì đội tàu hoạt động liên tục.
- Tổng giám đốc công ty đã tích cực cùng với các doanh nghiệp trong ngành đề xuất các giải pháp kiến nghị lên các cấp có thẩm quyền hỗ trợ các doanh nghiệp vận tải biển. Tại Hội nghị đối thoại doanh nghiệp vận tải biển, cảng biển năm 2014 do Bộ GTVT tổ chức vào đầu tháng 8/2014, Tổng giám đốc công ty đã có bài tham luận và kiến nghị lên Bộ trưởng Bộ GTVT đề Chính phủ cần sớm có các chính sách hỗ trợ các chủ tàu vượt qua giai đoạn khó khăn này do thiếu vốn lưu động để duy trì SXKD khai thác tàu, thiếu vốn đầu tư, nhất là về chính sách tài chính như lãi vay mua tàu, tỷ giá ngoại tệ đối với các khoản vay có gốc ngoại tệ. Về lâu dài kiến nghị Chính phủ xem xét thực hiện tái cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư đội tàu và có lộ trình thoái vốn tại các công ty Vận tải biển, có cơ chế riêng cho phép doanh nghiệp vận tải biển được phân bổ khấu hao đội tàu theo lịch trả nợ vay mua / đóng tàu đã tái cơ cấu phù hợp với dòng tiền của dự án

Một số chỉ tiêu cơ bản đã thực hiện trong năm 2014

- + Sản lượng vận tải về tấn thực hiện: 1.687.083 tấn đạt 123,13% kế hoạch, bằng 126,7% so cùng kỳ năm trước.
- + Sản lượng luân chuyển (Tkm): 11 tỷ 660 triệu Tkm đạt 109,03% kế hoạch, bằng 102,73% so cùng kỳ năm trước.
- + Doanh thu các hoạt động thực hiện: 1.447,2 tỷ đồng đạt 111 % kế hoạch, bằng 107% so cùng kỳ năm trước.
- + Lợi nhuận kế toán trước thuế thực hiện (184,7) tỷ đồng, lợi nhuận kế toán sau thuế hợp nhất (144,8) tỷ đồng.
- + Đội tàu vận tải biển tính đến cuối năm 2014 gồm 12 chiếc tổng trọng tải 252.268 DWT (trong đó có 2 tàu trọng tải 6.500 DWT, 10 tàu còn lại từ 22.000 - 28.000 DWT), tuổi tàu bình quân là 14,3 chủ yếu khai thác trên các tuyến đường và mặt hàng truyền thống.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014**Báo cáo tài chính**

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2014 đến ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA). Ban kiểm soát nhất trí với ý kiến của Công ty CPA là Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty lập đã phản ánh, trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành của Nhà nước có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất: Các số liệu cuối cùng, cơ bản như bảng B1, B2, sau đây:

B1 - Đơn vị tính: đồng

Tài sản	31/12/2014	01/01/2014
A Tài sản ngắn hạn	302.064.738.675	332.607.781.276
B Tài sản dài hạn	2.313.101.059.240	2.430.007.901.225
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.615.165.797.915	2.762.615.682.501

B2 - Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	31/12/2014	01/01/2014
A Nợ phải trả	2.370.028.862.613	2.448.743.010.057
B Vốn chủ sở hữu	236.286.964.055	305.572.189.546
C Lợi ích cổ đông thiểu số	8.849.971.247	8.300.482.898
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.615.165.797.915	2.762.615.682.501

Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2014	2013
Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	11,55%	12,04%
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	88,45%	87,96%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	90,63%	88,64%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	9,04%	11,06%
Khả năng thanh toán hiện hành		
- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	0,661	0,529
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,444	0,365
- Khả năng thanh toán bằng tiền (lần)	0,115	0,086



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

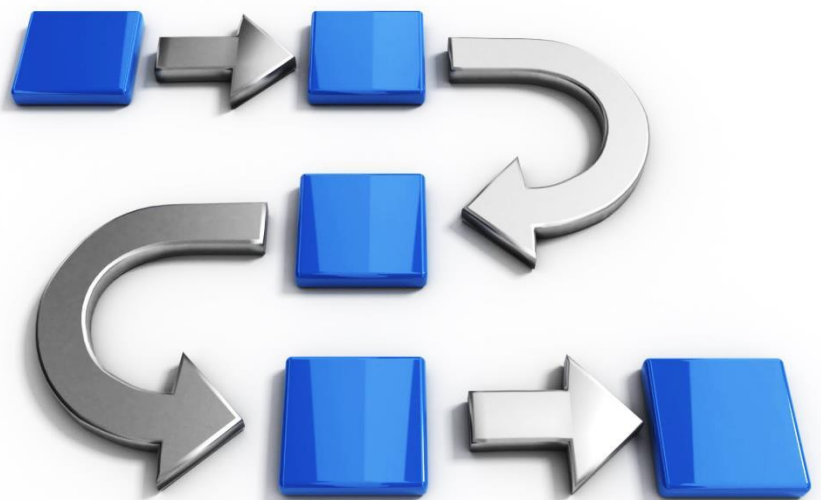
B3 - Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2014	2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.447.196.100.677	1.354.598.291.695
2 Lợi nhuận thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(80.013.042.390)	(117.211.687.011)
3 Doanh thu hoạt động tài chính	6.792.945.483	10.677.141.934
4 Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	(184.132.131.709)	(237.997.890.304)
5 Thu nhập khác	1.246.248.497	91.083.997.752
6 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(184.705.051.965)	(223.492.870.761)
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	567.706.671	289.035.864
8 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(41.035.671.658)	(64.124.908)
8 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	(144.237.086.978)	(223.717.781.717)
9 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	549.488.349	(61.646.798)
10 Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	(144.786.575.327)	(223.656.134.919)
11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.454,04)	(3.790,82)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

B4 - Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2014	2013
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	33.405.007.949	18.086.607.263
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(23.233.436.346)	61.053.832.718
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	6.484.943.714	(52.281.880.234)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	16.656.515.317	26.858.559.747
Tiền và tương đương tiền đầu năm	53.859.075.861	44.281.020.522
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(18.053.713.287)	(17.280.504.408)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	52.461.877.891	53.859.075.861



Các sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2014 cần lưu ý như sau

Công ty đã thực hiện cơ cấu nợ gốc và lãi vay mua, đóng tàu theo hướng dẫn tại Công văn số 2506/NHNN-CSTT, Quyết định số 780/QĐ-NHNN và Công văn 2701/NHNN ngày 18/4/2013 của Ngân hàng nhà nước. Tính đến nay hầu hết các ngân hàng đã đồng ý cho Công ty giãn nợ đến hết năm 2015, kéo dài thời gian trả nợ từ 1 đến 4 năm, tùy từng dự án. Hiện tại Công ty đang triển khai thực hiện Quyết định 276/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ, ngày 4/2/2013 về đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, do đó Công ty chưa hạch toán lãi vay lũy kế phải trả giai đoạn 2012 - 2014 vào chi phí tài chính (khoảng 267,59 tỷ đồng), trong đó của năm 2014 là 147,92 tỷ.

Khấu hao tài sản đội tàu: mức trích khấu hao năm 2014 giữ nguyên như mức trích khấu hao cùng kỳ năm trước và phù hợp với văn bản đăng ký thuế số 1039/TCKT ngày 30/12/2013 về đăng ký phương pháp và thời gian tính khấu TSCĐ với Cục thuế TP.HCM và đã báo cáo Bộ Tài chính và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Hiện tại chưa hạch toán 17,4 tỷ đồng khấu hao lũy kế đội tàu vào chi phí, trong đó năm 2014 là 8,7 tỷ đồng

Công ty đã chuyển khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN chi nhánh TP.HCM thành khoản vay dài hạn do cho rằng khoản vay này đã được Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN chi nhánh TP.HCM bán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam - VAMC.

Năm 2014 là năm thứ ba liên tục, sự kiện này sẽ ảnh hưởng tới khả năng không được tiếp tục niêm yết cổ phiếu của công ty trên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành công ty

Ban Kiểm soát có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình, được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của công ty.

Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị và đóng góp ý kiến vào các nội dung cuộc họp.

Ban Kiểm soát có kiến nghị kịp thời đối với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong công tác quản trị công ty và đề phòng rủi ro.

Phương hướng hoạt động năm 2015

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2014 và kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty năm 2015, Ban Kiểm soát xin đề ra kế hoạch hoạt động của Ban trong năm 2015 như sau:

- Tiếp tục bám sát các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 để có kế hoạch kiểm tra giám sát tình hình thực hiện theo các quy định hiện hành.
- Giám sát việc chấp hành điều lệ của công ty, pháp luật của nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế của hội đồng quản trị công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2015.
- Tiến hành thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và năm 2015; cũng như thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc theo đúng chức năng nhiệm vụ của từng thành viên trong ban kiểm soát
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; tham dự các cuộc họp giao ban của Ban Tổng giám đốc và các cuộc họp có nội dung liên quan.
- Tăng cường công tác phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ và tốt nhất Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015.
- Các thành viên Ban Kiểm soát căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định và thống nhất phân công trong Ban Kiểm soát để thực hiện công việc nêu trên có hiệu quả cao nhất.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGĐ VÀ BKS**Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2014**

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
1	Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch Hội Đồng quản trị	160.253.568
2	Trương Đình Sơn	Phó chủ tịch Hội Đồng quản trị	128.202.852
3	Huỳnh Nam Anh	Thành viên Hội Đồng quản trị	112.177.500
4	Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên Hội Đồng quản trị	112.177.500
5	Nguyễn Minh Cường	Thành viên Hội Đồng quản trị	112.177.500
1	Nguyễn Thị Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát	112.177.500
2	Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát	80.126.784
3	Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	80.126.784
Tổng cộng			897.419.988

Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương
1	Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	686.091.354
1	Trương Đình Sơn	Tổng Giám đốc	543.103.085
2	Huỳnh Nam Anh	Phó Tổng Giám đốc	511.341.422
3	Phạm Thị Cẩm Hà	Phó Tổng Giám đốc	486.329.934
4	Dương Đình Ninh	Phó Tổng Giám đốc	451.673.217
5	Mai Thị Thu Vân	Kế toán trưởng	347.098.077
Tổng cộng			3.025.637.089

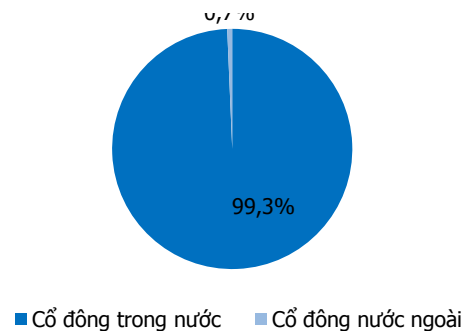
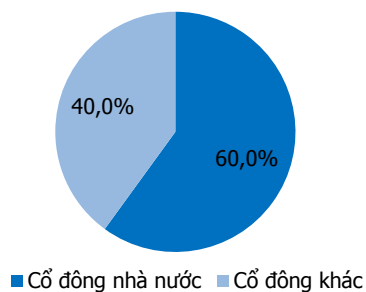
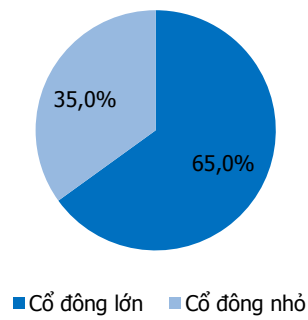
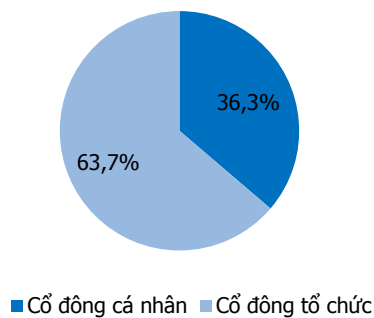


THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Số lượng cổ phiếu Công ty đăng ký phát hành	: 58.999.337 cổ phần
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 VNĐ
Số cổ phiếu ưu đãi	: Không có
Số cổ phiếu phổ thông	: 58.999.337 cổ phần
Cổ phiếu đang lưu hành	: 58.999.337 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	: 58.999.337 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	: Không có

Cơ cấu cổ đông đến ngày 23/03/2015

Cơ cấu cổ đông



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: **không có**

Giao dịch cổ phiếu quỹ: **không có**

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: **không có**

Thông tin về cổ đông nội bộ và người có liên quan nắm giữ cổ phiếu

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Mối liên hệ với thành viên chủ chốt	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch HĐQT		45.475	0,0771
1.2	Vũ Thị Liên Hương		Vợ	29.500	0,0500
2	Trương Đình Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT - TGD		2.975.078	5,0420
3	Huỳnh Nam Anh	Thành viên HĐQT - Phó TGD		96.962	0,1643
4	Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên HĐQT - Phó TGD		117.248	0,1987
4.3	Nguyễn Gia Hiền		Chồng	9.000	0,0153
6	Nguyễn Thị Hiền	Trưởng BKS		4.720	0,0080
6.1	Lê Phan Linh		Chồng	7.090	0,0120
7	Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên Ban KSoát		10.620	0,0180
9	Dương Đình Ninh	Phó TGD		20.207	0,0342
9.1	Từ Thị Cúc	Trưởng Trạm Y tế Cty	Vợ	1.622	0,0027
10	Mai Thị Thu Vân	Kế toán trưởng		8.002	0,0136
10.2	Nguyễn Thị Ái Minh		Mẹ	1.000	0,0017
10.3	Phan Văn Phúc		Chồng	1.737	0,0029
10.4	Mai Thế Anh		Em ruột	2.500	0,0042
10.5	Mai Thế Dũng		Em ruột	7	0
11	Đoàn Thị Thu Hòa	Người được UQCBTT		18.800	0,0319

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: **không có**





PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



Số: 31 /2015/BCKT/BCTCHN - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2014
của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam*

Kính gửi

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN TỔNG GIÁM ĐỐC; QUÝ CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính lập ngày 30 tháng 03 năm 2015 đã được trình bày từ trang 8 đến trang 45 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lưu ý người đọc

Như trình bày tại Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc mục "Các sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính": Công ty chưa hạch toán lãi vay lũy kế phải trả giai đoạn 2012 - 2014 (khoảng 267,59 tỷ đồng) vào chi phí tài chính, trong đó 147,92 tỷ đồng của năm 2014; Khấu hao đội tàu: Mức trích khấu hao năm 2014 giữ nguyên như mức khấu hao cùng kỳ năm trước và phù hợp văn bản đăng ký thuế số 1039/TCKT ngày 30/12/2013 về đăng ký phương pháp và thời gian khấu hao TSCĐ với Cục thuế TPHCM (đã báo cáo Bộ Tài chính và Vinalines); Công ty đã chuyển khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Tp. HCM thành khoản vay dài hạn do cho rằng khoản nợ vay này đã được Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Tp. HCM bán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam - VAMC; Năm 2014 là năm thứ 3 liên tục công ty bị lỗ, sự kiện này sẽ ảnh hưởng tới khả năng tiếp tục niêm yết cổ phiếu của công ty trên sàn giao dịch chứng khoán.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội giữ 01 bản.



Nguyễn Ngọc Tinh
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0132-2013-016-1
Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Lê Văn Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 1695-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: đồng*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		302.064.738.675	332.607.781.276
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	52.461.877.891	53.859.075.861
1 . Tiền	111		20.461.877.891	21.859.075.861
2 . Các khoản tương đương tiền	112		32.000.000.000	32.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.866.329.504	113.478.795.905
1 . Phải thu khách hàng	131	2	52.872.229.425	68.095.461.829
2 . Trả trước cho người bán	132	3	29.291.104.564	50.581.117.608
3 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác	138	4	5.731.166.420	3.111.719.949
4 . Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5	(9.028.170.905)	(8.309.503.481)
IV. Hàng tồn kho	140		99.117.127.937	103.220.941.355
1 . Hàng tồn kho	141	6	99.117.127.937	103.220.941.355
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		71.619.403.343	62.048.968.155
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	26.453.660.935	13.010.014.592
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	8	32.330.856.578	29.675.252.251
3 . Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	9	747.770.651	45.918.490
4 . Tài sản ngắn hạn khác	158	10	12.087.115.179	19.317.782.822

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: đồng*

B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.313.101.059.240	2.430.007.901.225
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	362.010.720
1 . Phải thu dài hạn khác	218	11	-	362.010.720
II. Tài sản cố định	220		2.154.131.868.146	2.395.878.448.507
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.150.419.624.203	2.370.598.789.819
- Nguyên giá	222		3.771.757.951.821	3.771.726.041.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.621.338.327.618)	(1.401.127.252.002)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	13	2.910.712.002	3.688.729.919
- Nguyên giá	228		7.734.145.325	7.599.224.547
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.823.433.323)	(3.910.494.628)
3 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	801.531.941	21.590.928.769
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		158.969.191.094	33.767.441.998
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	15	41.050.050.426	32.424.939.798
2 . Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	16	116.612.638.468	-
3 . Tài sản dài hạn khác	268	17	1.306.502.200	1.342.502.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.615.165.797.915	2.762.615.682.501

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	(Tiếp theo)		Số cuối năm	Số đầu năm
	Mã số	Thuyết minh		
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.370.028.862.613	2.448.743.010.057
I. Nợ ngắn hạn	310		456.736.842.374	629.302.820.780
1 . Vay và nợ ngắn hạn	311	18	202.360.834.580	308.765.822.847
2 . Phải trả người bán	312	19	176.366.129.079	200.586.478.849
3 . Người mua trả tiền trước	313	20	2.370.911.535	390.816.589
4 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	919.464.632	1.195.406.167
5 . Phải trả người lao động	315		21.053.341.879	39.097.453.576
6 . Chi phí phải trả	316	22	31.651.797.432	48.534.107.745
7 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	18.929.183.201	26.922.358.976
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	24	3.085.180.036	3.810.376.031
II. Nợ dài hạn	330		1.913.292.020.239	1.819.440.189.277
1 . Phải trả dài hạn người bán	331	25	1.495.082.905	6.898.298.464
2 . Phải trả dài hạn khác	333	26	8.404.589.178	8.404.589.178
3 . Vay và nợ dài hạn	334	27	1.893.303.790.024	1.780.413.858.043
4 . Doanh thu chưa thực hiện	338	28	10.088.558.132	23.723.443.592
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		236.286.964.055	305.572.189.546
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	236.286.964.055	305.572.189.546
1 . Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		589.993.370.000	589.993.370.000
2 . Thặng dư vốn chủ sở hữu	412		88.258.000	88.258.000
3 . Vốn khác của chủ sở hữu	413		306.000.000	306.000.000
4 . Quỹ đầu tư phát triển	417		5.036.239.588	5.036.239.588
5 . Quỹ dự phòng tài chính	418		5.073.245.457	5.073.245.457
6 . Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.898.917.929	4.974.534.903
7 . Lợi nhuận chưa phân phối	420		(369.109.066.919)	(299.899.458.402)
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIÊU SÓ	439	30	8.849.971.247	8.300.482.898
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.615.165.797.915	2.762.615.682.501

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: đồng**(Tiếp theo)***CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý		31	1.826.561.550	1.826.561.550
2. Ngoại tệ các loại:		31		
+ Dollar Mỹ (USD)			673.653.37	810.798.54
+ Euro (EUR)			1.04	0.38



Lê Kim Phụng

Lập biểu

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015



Mai Thị Thu Vân

Kế toán trưởng



 Trương Đình Sơn

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT*Năm tài chính 2014**Đơn vị tính: đồng*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	1.447.196.100.677	1.354.598.291.695
2 Các khoản giảm trừ	02	33	28.234.234.953	32.440.099.033
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	34	1.418.961.865.724	1.322.158.192.662
4 Giá vốn hàng bán	11	35	1.498.974.908.114	1.439.369.879.673
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(80.013.042.390)	(117.211.687.011)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	6.792.945.483	10.677.141.934
7 Chi phí tài chính	22	37	36.795.950.715	51.739.684.564
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.316.630.078	22.621.410.363
8 Chi phí bán hàng	24	38	24.440.402.270	29.160.062.779
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	39	49.675.681.817	50.563.597.884
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(184.132.131.709)	(237.997.890.304)
11 Thu nhập khác	31	40	1.246.248.497	91.083.997.752
12 Chi phí khác	32	41	1.819.168.753	76.578.978.209
13 Lợi nhuận khác	40		(572.920.256)	14.505.019.543
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(184.705.051.965)	(223.492.870.761)
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	567.706.671	289.035.864
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	43	(41.035.671.658)	(64.124.908)
17 Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(144.237.086.978)	(223.717.781.717)
18 Lợi ích cổ đông thiểu số	61		549.488.349	(61.646.798)
19 Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	62		(144.786.575.327)	(223.656.134.919)
20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	44	(2.454.04)	(3.790.82)



Lê Kim Phượng

Lập biểu

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015



Mai Thị Thu Vân

Kế toán trưởng



Trương Đình Sơn

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)**Năm tài chính 2014**Đơn vị tính: đồng*

TT	Chi tiêu	Mã số	T. Minh	Năm nay	Năm trước
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.435.713.102.053	1.301.838.662.065
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.112.895.356.105)	(1.007.965.639.156)
3	Tiền trả cho người lao động	03		(233.853.779.214)	(210.990.204.312)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(11.347.959.861)	(19.607.934.903)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(275.038.392)	(1.931.744.106)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		56.562.869.844	25.789.923.079
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(100.498.830.376)	(69.046.455.404)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.405.007.949	18.086.607.263
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(25.698.145.460)	(32.017.339.581)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	89.712.043.635
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lợi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.464.709.114	3.359.128.664
	Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(23.233.436.346)	61.053.832.718
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phần đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		471.262.933.678	725.038.359.854
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(464.777.989.964)	(777.320.240.088)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.484.943.714	(52.281.880.234)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	16.656.515.317	26.858.559.747
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	53.859.075.861	44.281.020.522
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(18.053.713.287)	(17.280.504.408)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 37	52.461.877.891	53.859.075.861



Lê Kim Phụng

Lập biểu

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015



Mai Thị Thu Vân

Kế toán trưởng



Trương Đình Sơn

Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính 2014***I. KHÁI QUÁT DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, cấp lại lần thứ 8 ngày 09 tháng 07 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Theo đó:

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam
 Tên Tiếng Anh : VIETNAM SEA TRANSPORT AND CHARTERING JOINT STOCK COMPANY
 Tên viết tắt : VITRANSCHART JSC

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 589.993.370.000 đồng
(Năm trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
 Điện thoại : 08 39 404 271/125
 Fax : 08 39 404 711
 Website : <http://www.vitranschart.com.vn>
 Email : vte-hcm@vitranschart.com.vn

Hiện tại, Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã cổ phiếu VST.

Khối lượng niêm yết : 58.999.337
 Ngày niêm yết : 20/2/2009
 Ngày chính thức giao dịch : 26/2/2009

Danh sách và địa chỉ các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Thông tin về đơn vị trực thuộc</u>
1. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 65/C31 Đỗ Lương, Phường 11 Tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Mã chi nhánh: 0300448709-005
2. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng	Địa chỉ: Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng Mã chi nhánh: 0300448709-006

12/2014 13.02.14

3. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Quy Nhơn Địa chỉ: Lô C2-C3 Cụm CN Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Mã chi nhánh: 0300448709-008
4. Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC) Địa chỉ: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh
Mã chi nhánh: 0300448709-003
5. VP Đại diện tại Hà Nội Phòng 1101, tầng 11, Tòa Nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, P. Mai Dịch, Q. Đống Đa, Hà Nội

Danh sách và địa chỉ các công ty con:

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty con</u>
1. Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)	5.500.000.000	100%	Số 428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0309518598
2. Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	18.540.000.000	56.67%	Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0306291349

1.2 Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Căn hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)/.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

2.4 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.5 Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Kế toán máy, Công ty sử dụng phần mềm kế toán trong hệ thống phần mềm ERP - SAP để ghi chép kế toán.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán:

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính và giả định đặt ra.

3.2 Tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3.3 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng TMCP tại thời điểm hạch toán, riêng ngoại tệ nhận về tài khoản ngân hàng áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Chênh lệch tỷ giá nếu có được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm:

	31/12/2014	31/12/2013
USD:	21.370 đồng	21.084 đồng
EUR:	25.916 đồng	25.916 đồng

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

3.4 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng tổn thất hàng tồn kho nếu có được tính và trích lập như sau:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Mức trích lập dự phòng hàng tồn kho được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

3.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.
- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm. Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

3.6 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Tài sản cố định được hạch toán ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử, thuế nhập khẩu (nếu có) và các chi phí khác để đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (hữu hình, vô hình):

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Theo đó, thời gian khấu hao được ước tính cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

Công ty đang triển khai Quyết định 276/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ ngày 04/02/2013 về việc Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, do đó Công ty chưa hạch toán đủ 17,4 tỷ khấu hao lũy kế đội tàu, trong đó 8,7 tỷ khấu hao đội tàu vào giá vốn năm tài chính 2014.

- * Lãi, lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được hạch toán như một khoản lãi hoặc lỗ trong kỳ phát sinh nghiệp vụ.

3.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc kể từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
 - Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
 - Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:
- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Thanh lý khoản đầu tư: Phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

3.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng, hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Trong kỳ, Công ty hạch toán theo số thực chi trả trong kỳ báo cáo với số tiền khoảng 5,6 tỷ đồng. Tổng số lãi vay chưa tính vào chi phí tài chính trong kỳ ước là 51,4 tỷ đồng, do được phép phân bổ trả nợ từ 2016 trở đi.

3.9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Chi phí khác: Chi phí phát sinh trong kỳ ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính được ghi nhận là chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ trong 1 năm, chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong 2 đến 3 năm.

3.10 Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm:

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

- Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

3.11 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của CSH: Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn góp thực tế. Vốn góp của cổ đông bao gồm góp theo mệnh giá và phần cao hơn mệnh giá - Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận từ kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác: Được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng; và
- + Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Được ghi nhận theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

3.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% (năm trước là 25%) trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- + Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

- + Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

- + Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

- + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

3.14 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- + Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

3.15 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này, bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR) Sở hữu: 100%
- Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC) Sở hữu: 56.67%

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty con và công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Tiền mặt	439.742.995	339.229.696
+ Tiền mặt VND	439.742.995	339.229.696
- Tiền gửi ngân hàng	20.022.134.896	21.519.846.165
+ Tiền gửi ngân hàng VND	5.795.734.044	11.500.241.858
+ Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	14.226.400.852	10.019.604.307
- Các khoản tương đương tiền (*)	32.000.000.000	32.000.000.000
Cộng	52.461.877.891	53.859.075.861

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, cụ thể:

Ảnh hưởng bởi số tiền gửi tương đương tiền 32 tỷ đồng tại NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn CN Mạc Thị Bưởi - TP Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 43.04 MTB14 ngày 04/04/2014 và 58.05 MTB14 ngày 09/05/2014. Khoản này doanh nghiệp đang tạm thời chưa sử dụng do được cầm cố để vay các khoản vốn lưu động tại ngân hàng này.

2 Phải thu khách hàng

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Phải thu khách hàng nước ngoài	22.521.629.073	34.003.867.469
- Phải thu khách hàng trong nước	7.480.980.402	5.927.461.474
- Phải thu khách hàng SSR	1.866.512.015	2.095.193.213
- Phải thu khách hàng Pdimex	21.003.107.935	26.068.939.673
Cộng	52.872.229.425	68.095.461.829

3 Trả trước cho người bán

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Trả trước cho người bán nước ngoài	27.003.617.884	48.396.881.100
- Trả trước cho người bán trong nước	318.501.300	339.711.128
- Trả trước người bán SSR	73.460.000	-
- Trả trước người bán Pdimex	1.895.525.380	1.844.525.380
Cộng	29.291.104.564	50.581.117.608

4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Phải thu khác	5.718.183.226	3.111.719.949
+ BH Hoàn 10% phí thân tàu	1.455.669.465	1.251.895.905
+ Phải thu khác	3.568.289.936	1.190.844.015

+ Trung tâm SCC	455.340.582	363.792.221
+ CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Đà Nẵng	2.216.243	2.592.983
+ CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Quy Nhơn	91.280.002	171.443.006
+ CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Vũng Tàu	-	8.458.195
+ Phải thu khác SSR	62.523.852	36.023.852
+ Phải thu khác Pdimex	82.863.146	86.669.772
- Phải thu khác (Dư nợ TK 338)	12.983.194	-
Cộng	5.731.166.420	3.111.719.949

5 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn chưa thanh toán	9.028.170.905	8.309.503.481
+ DP khoản phải thu quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	238.880.904	190.852.779
+ DP khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	8.789.290.001	8.118.650.702
Cộng	9.028.170.905	8.309.503.481

6 Hàng tồn kho

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Hàng mua đi đường	5.160.228.480	-
- Nguyên vật liệu	73.490.832.760	83.676.953.525
- Công cụ dụng cụ	19.770.010.421	18.974.052.591
- Chi phí SXKD dở dang	696.056.276	569.935.239
Cộng	99.117.127.937	103.220.941.355

7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Chi phí công cụ, dụng cụ	100.130.153	42.320.715
- Chi phí bảo hiểm đội tàu, CNV, hòa hoạn	6.031.683.556	1.095.793.171
- Chi phí phụ tùng, sửa chữa thường xuyên	19.598.814.887	10.998.889.309
- Chi phí phân bổ khác	67.469.189	68.863.353
- Chi phí trả trước ngắn hạn các chi nhánh	500.972.256	568.592.281
- Chi phí trả trước ngắn hạn Pdimex	154.590.894	235.555.763
Cộng	26.453.660.935	13.010.014.592

8 Thuế GTGT được khấu trừ

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	32.330.856.578	29.675.252.251
Cộng	32.330.856.578	29.675.252.251

9 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	87.272
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.975.788	45.615.857
- Thuế thu nhập cá nhân	701.794.863	215.361
Cộng	747.770.651	45.918.490

10 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Tạm ứng	11.997.969.729	19.270.619.122
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	89.145.450	47.163.700
Cộng	12.087.115.179	19.317.782.822

11 Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Các khoản phải thu dài hạn khác	-	362.010.720
+ Thuế GTGT tiền thuê đất tại Quy Nhơn	-	362.010.720
Cộng	-	362.010.720

12 Tài sản cố định hữu hình*Phụ lục số 1***13 Tài sản cố định vô hình**

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Hệ thống phần mềm quản lý	7.734.145.325	7.599.224.547
- Khấu hao lũy kế hệ thống phần mềm quản lý	(4.823.433.323)	(3.910.494.628)
- Giá trị còn lại	2.910.712.002	3.688.729.919

14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Xây dựng cơ bản	-	309.407.902
+ Nh. Dự án ứng dụng CNTT vào hệ thống quản lý	-	230.230.375
+ Kh. Dự án đóng tàu 56.000 DWT	-	79.177.527
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	801.531.941	21.281.520.867
+ Sửa chữa định kỳ tàu VTC Globe	-	8.654.585.935
+ Sửa chữa định kỳ tàu VTC Glory	-	3.041.500.712
+ Sửa chữa định kỳ tàu VTC Ocean	-	9.585.434.220
+ Sửa chữa định kỳ tàu Viên Đông 5	801.531.941	-
Cộng	801.531.941	21.590.928.769

15 Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Chi phí thuê đất tại Quy Nhơn	8.137.115.621	- 5.076.513.132	214.134.624	2.846.467.865
- Sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	23.727.459.439	46.479.774.470	32.608.474.211	37.598.759.698
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	289.619.509	107.628.682	200.610.581	196.637.610
- Chi phí chờ phân bổ khác	165.095.844	165.573.612	145.305.937	185.363.519
- Chi phí trả trước dài hạn các chi nhánh	52.395.321	152.610.109	60.800.448	144.204.982
- Chi phí trả trước dài hạn SSR	28.588.981	14.452.727	19.541.623	23.500.085
- Chi phí trả trước dài hạn Pdimex	24.665.083	62.000.000	31.548.416	55.116.667
Cộng	32.424.939.798	41.905.526.468	33.280.415.840	41.050.050.426

16 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	116.612.638.468	-
+ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng của các năm trước	75.576.966.810	-
+ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng của năm nay	41.035.671.658	-
Cộng	116.612.638.468	-

17 Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.304.502.200	1.304.502.200
+ Công ty kho bãi TP Hồ Chí Minh	220.002.200	220.002.200
+ Công ty Viễn thông Quốc tế	22.000.000	22.000.000
+ Công ty Thông tin điện tử Hàng Hải	23.000.000	23.000.000

+ Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	38.000.000	38.000.000
+ Cty TNHH TM-DV-TB Máy Hương Lâm	1.500.000	1.500.000
+ Kỳ quỹ xuất khẩu lao động của TT SCC	1.000.000.000	1.000.000.000
- Kỳ cược, kỳ quỹ dài hạn Pdimex	2.000.000	38.000.000
Cộng	1.306.502.200	1.342.502.200

18 Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
* Vay ngắn hạn	202.171.834.580	308.591.342.847
- Vay ngắn hạn ngân hàng	192.541.834.580	301.526.042.191
+ Ngân hàng NoN và PTNT CN Mạc Thị Bưởi	31.765.365.979	31.802.060.466
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) -SGD	-	2.339.719.276
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - CN Tp HCM	130.590.378.925	135.945.407.928
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Tp HCM (*)	-	98.984.088.127
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	30.186.089.676	32.454.766.394
+ Vay ngắn hạn của Pdimex	9.130.000.000	6.565.300.656
- Vay ngắn hạn cá nhân	500.000.000	500.000.000
+ Vay ngắn hạn cá nhân của SSR	500.000.000	500.000.000
* Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	189.000.000	174.480.000
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (Pdimex)	189.000.000	174.480.000
Cộng	202.360.834.580	308.765.822.847

(*) và (**) Xem thuyết minh số 27

- + Vay vốn lưu động tại Ngân hàng Nông nghiệp và PT Nông thôn - CN Mạc Thị Bưởi : Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201400323 ngày 12/6/2014, hạn mức: 1.500.000 USD, lãi suất: 4%/năm.
- + Vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TPHCM : Hợp đồng tín dụng hạn mức số 176/2014/HĐTDHM-VTC ngày 15/07/2014.
- + Vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: Hợp đồng 529914/VPB-Vitranschart ngày 26/5/2014, hạn mức 32 tỷ. Phụ lục hợp đồng cầm cố PLHĐBTC/02 ngày 26/5/2014, cầm cố bằng toàn bộ cổ phần của Cty Cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông là 1.020.000 cổ phiếu theo Hợp đồng cầm cố số 1305400015/HĐTC/VPB02 ngày 22/3/2013.

19 Phải trả người bán

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Phải trả người bán nước ngoài	109.621.408.798	122.843.685.016
- Phải trả người bán trong nước	61.923.256.566	73.277.904.600
- Phải trả người bán SSR	286.575.850	446.921.950
- Phải trả người bán Pdimex	4.534.887.865	4.017.967.283
Cộng	176.366.129.079	200.586.478.849

20 Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Người mua trả tiền trước nước ngoài	137.368.929	24.990.916
- Người mua trả tiền trước trong nước	2.233.542.606	365.825.673
Cộng	2.370.911.535	390.816.589

21 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	397.725.778	342.342.871
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	336.883.540	43.855.330
- Thuế thu nhập cá nhân	184.855.314	746.099.966
- Các loại thuế khác	-	63.108.000
Cộng	919.464.632	1.195.406.167

22 Chi phí phải trả

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Chi phí lãi vay phải trả	3.935.007.302	3.908.746.141
- Chi phí phải trả khác	27.716.790.130	44.625.361.604
+ <i>VTC - cảng phí nước ngoài</i>	<i>22.857.342.230</i>	<i>26.136.137.591</i>
+ <i>Tiền ăn của thuyền viên</i>	<i>3.738.598.234</i>	<i>9.558.893.312</i>
+ <i>Trích trước phân bổ CP SCL, khác</i>	<i>867.073.924</i>	<i>2.911.663.089</i>
+ <i>Trung tâm ĐT MG & XKTPVN (SCC)</i>	<i>67.430.603</i>	<i>303.566.456</i>
+ <i>CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Quy Nhơn</i>	<i>59.780.000</i>	<i>11.714.545</i>
+ <i>Chi phí phải trả SSR</i>	<i>-</i>	<i>72.108.000</i>
+ <i>Chi phí phải trả khác Pdimex</i>	<i>126.565.139</i>	<i>5.631.278.611</i>
Cộng	31.651.797.432	48.534.107.745

23 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	27.756.915
- Kinh phí công đoàn	7.891.456.700	7.592.556.713
- Bảo hiểm xã hội	7.049.827.683	5.484.352.545
- Bảo hiểm y tế	290.617.169	855.118.079
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.590.952.067	12.958.421.937
- Bảo hiểm thất nghiệp	106.329.582	4.152.787
Cộng	18.929.183.201	26.922.358.976

24 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	đồng	đồng	đồng	đồng
- Quỹ khen thưởng	2.389.055.790	-	443.333.169	1.945.722.621
- Quỹ phúc lợi	1.403.071.029	-	272.062.826	1.131.008.203
- Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	18.031.988	-	9.800.000	8.231.988
- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	217.224	-	-	217.224
Cộng	3.810.376.031	-	725.195.995	3.085.180.036

25 Phải trả dài hạn người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	đồng	đồng
- Tiền thuê đất tại Quy Nhơn	1.495.082.905	6.898.298.464
Cộng	1.495.082.905	6.898.298.464

26 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	đồng	đồng
- Phải trả các khoản khác dài hạn	8.404.589.178	8.404.589.178
+ <i>Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu Phoenix</i>	<i>8.404.589.178</i>	<i>8.404.589.178</i>
Cộng	8.404.589.178	8.404.589.178

27 Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	đồng	đồng
a. Vay dài hạn	1.840.963.048.909	1.727.884.116.928
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB)	450.237.901.120	445.170.241.784
- Ngân hàng TMCP Á Châu	425.778.449.446	422.613.636.744
- Sở giao dịch 2 ngân hàng phát triển VN	41.536.000.000	41.596.000.000
- Chi nhánh Ngân hàng phát triển TP Hải Phòng	292.786.600.000	293.206.600.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - CN TPHCM	263.064.700.000	260.387.400.000
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN TPHCM (*)	100.326.786.343	-
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	58.275.990.000	57.496.068.000
- Ngân hàng Natixis- Chi nhánh TPHCM	208.156.622.000	206.214.170.400

- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển - CN Bình Định	800.000.000	1.200.000.000
b. Nợ dài hạn	52.340.741.115	52.529.741.115
- Tổng Công ty Hàng Hải VN	9.127.931.138	9.127.931.138
- Nợ dài hạn khác	43.212.809.977	43.212.809.977
- Nợ dài hạn Pdimex	-	189.000.000
Cộng	1.893.303.790.024	1.780.413.858.043

Vay dài hạn:**+ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB):**

- Vay dài hạn mua tàu VTC ACE : tài sản thế chấp là tàu VTC ACE, lãi suất vay là (lãi suất huy động 12 tháng + 2,5%)/năm, thời hạn vay 8 năm từ năm 2009 đến năm 2017, được kéo dài thời gian vay đến tháng 3/2022.
- Vay dài hạn mua tàu VTC Tiger : tài sản thế chấp là tàu VTC Tiger, lãi suất vay là (lãi suất huy động 12 tháng + 3,7%)/năm, thời hạn vay 8 năm từ năm 2010 đến năm 2018, được kéo dài thời gian vay đến tháng 4/2023.
- Vay dài hạn mua tàu VTC Phoenix : tài sản thế chấp là tàu VTC Phoenix, lãi suất vay là (lãi suất huy động 13 tháng + 3,2%)/năm, thời hạn vay 8 năm từ năm 2008 đến năm 2015, được kéo dài thời gian vay đến tháng 7/2020.

Phụ lục HĐTD số 89/07/07/HCM/PL 06 ngày 17/7/2013 sửa đổi Hợp đồng số 89/07/HCM ngày 2/10/2007.

+ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB):

- Vay dài hạn mua tàu VTC Sun: Tài sản thế chấp là tàu VTC Sun, thời hạn vay 8 năm từ năm 2008 đến 2016, được kéo dài đến tháng 7/2019, lãi suất điều chỉnh sau khi cơ cấu nợ gốc: (lãi suất huy động 13 tháng + 4,5%)/năm (thay đổi định kỳ 3 tháng/lần) và lãi suất sau thay đổi không thấp hơn 6%/năm.
- Vay dài hạn mua tàu VTC Planet: Tài sản thế chấp là tàu VTC Planet, lãi suất vay theo hợp đồng: (Lãi suất huy động 13 tháng + 3,5%)/năm, thời hạn vay là 8 năm từ năm 2008 đến năm 2016, được kéo dài đến tháng 11/2019.
- Hợp đồng số 41222579/SDBS -05 ngày 27/6/2013, Hợp đồng số 41222579/SDBS-06 ngày 21/5/2013, Hợp đồng số 41222579/SDBS-07 ngày 20/06/2013 sửa đổi HĐTD trung dài hạn số 41222579 ngày 28/5/2008.

+ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội:

- Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01261206/01TDN/SDBS -4 ngày 25/5/2013 sửa đổi bổ sung HĐTD trung dài hạn số 01261206/01TDN ngày 21/1/2007.

+ Vay dài hạn Sở giao dịch 2 ngân hàng phát triển VN:

- Vay dài hạn đóng tàu Viễn Đông 5 : Tài sản thế chấp là tàu Viễn Đông 5, lãi suất vay là 6,6%/năm, thời hạn vay 12 năm từ năm 2005 đến năm 2017, được kéo dài thời gian vay đến tháng 8/2020.

+ Vay dài hạn Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hải Phòng:

- Vay dài hạn đóng tàu Viễn Đông 3 : Tài sản thế chấp là tàu Viễn Đông 3, lãi suất vay là 3%/năm, thời hạn vay 12 năm từ năm 2003 đến năm 2015, được kéo dài thời gian vay đến tháng 6/2018.
- Vay dài hạn đóng tàu VTC Dragon : Tài sản thế chấp là tàu VTC Dragon, lãi suất vay là 6,6%/năm, thời hạn vay 12 năm từ năm 2005 đến 2017, được kéo dài thời gian vay đến tháng 11/2020.

- Vay dài hạn đóng tàu VTC Phoenix : Tài sản thế chấp là tàu VTC Phoenix, lãi suất vay là 7,8%/năm áp dụng cho khoản nợ gốc: 23,992 tỷ và 9%/năm áp dụng cho khoản nợ gốc: 114 tỷ, thời hạn vay 12 năm từ năm 2006 đến năm 2018, được kéo dài thời gian vay đến tháng 11/2021.
- + **Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt-CN TPHCM:**
 - Vay dài hạn mua tàu VTC Glory : Tài sản thế chấp là tàu VTC Glory, lãi suất vay là (lãi suất huy động 12 tháng + 3,5%)/năm, thời hạn vay 8 năm từ năm 2010 đến 2018, được kéo dài thời gian vay đến tháng 6/2020.
- Phụ lục số 1007968.10.PL01.HDTD.HCM ngày 21/6/2012.
- + **Vay dài hạn NH Ngoại thương Việt Nam-CN Tp HCM:**
 - Hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 02/11/2011 (đính kèm Hợp đồng tín dụng số 0800/KH/10NH) : Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Lãi suất cho vay trong hạn theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Kỳ tính lãi vay hàng tháng từ ngày 26 tháng trước đến hết ngày 25 của tháng tiếp theo; Trả lãi vay phát sinh mỗi tháng 01 lần vào ngày 26.
- (*) Công ty đã chuyển khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Tp. HCM thành khoản vay dài hạn-do cho rằng khoản nợ vay này đã được Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Tp. HCM bán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam - VAMC.
- + **Vay dài hạn NH Ngoại thương Việt Nam-CN Bình Tây:**
 - Vay dài hạn mua tàu VTC Ocean: Tài sản thế chấp là tàu VTC Ocean, lãi suất vay là (lãi suất huy động 12 tháng + 2,5%)/năm, thời hạn vay 7 năm từ năm 2009 đến 2016, được kéo dài thời gian vay đến 1/2018.
- + **Vay dài hạn Ngân hàng Natixis- Chi nhánh TPHCM:**
 - Vay dài hạn mua tàu VTC Globe: Tài sản thế chấp là tàu VTC Globe, lãi suất vay là (Libor 3 tháng + 1,85%)/năm, thời hạn vay 8 năm từ năm 2007 đến năm 2015, được kéo dài thời gian trả nợ đến tháng 1/2018.
 - Văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 2 sửa đổi như sau : Ngoài tiền lãi, bên vay phải thanh toán tổng số tiền lãi trả chậm thành 9 kỳ bằng nhau, kỳ đầu tiên thanh toán vào ngày 29/01/2016 và kỳ cuối cùng phải được thanh toán vào ngày 29/01/2018; Nợ vay được trả trong các kỳ bằng nhau liên tiếp, mỗi kỳ sáu tháng với số tiền là 1.062.500 usd và mỗi kỳ như vậy phải thanh toán vào ngày 29/01 và 29/07 mỗi năm, cùng với kỳ trả nợ vay cuối cùng bằng với số nợ gốc của khoản vay chưa trả tại thời điểm đó phải được thanh toán vào ngày 30/01/2016.
- + **Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & PT-CN Bình Định:**
 - Vay dài hạn để xây dựng nhà kho và trạm cân: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất xây dựng nhà kho, lãi suất vay theo hợp đồng: (lãi suất huy động 12 tháng +3,8%)/năm, thời hạn vay là 6 năm từ năm 2009 đến năm 2015.

28 Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Văn phòng công ty	9.996.683.132	23.723.443.592
- Chi nhánh	91.875.000	-
Cộng	10.088.558.132	23.723.443.592

29 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Phụ lục số 2***b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ đông khác	235.993.370.000	235.993.370.000
Cộng	589.993.370.000	589.993.370.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	589.993.370.000
+ Vốn góp cuối năm	589.993.370.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58.999.337	58.999.337
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	58.999.337	58.999.337
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.999.337	58.999.337
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.999.337	58.999.337
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.999.337	58.999.337
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành <đồng/CP>	10.000	10.000

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Quỹ đầu tư phát triển	5.036.239.588	5.036.239.588
- Quỹ dự phòng tài chính	5.073.245.457	5.073.245.457
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.898.917.929	4.974.534.903
Cộng	15.008.402.974	15.084.019.948

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty**

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để:
- + Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị, điều kiện làm việc của Công ty;
- + Góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần theo quy định hiện hành.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để:
- + Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm.

30 LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIÊU SỎ

Phụ lục số 3

31 CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Nợ khó đòi đã xử lý	1.826.561.550	1.826.561.550
+ Dollar Mỹ (USD)	673.653.37	810.798.54
+ Euro (EUR)	1.04	0.38

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

32 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Doanh thu bán hàng hóa	233.408.609.588	178.861.505.741
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.213.662.181.998	1.175.576.476.862
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	125.309.091	160.309.092
Cộng	1.447.196.100.677	1.354.598.291.695

33 Các khoản giảm trừ

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Giảm giá hàng bán	28.234.234.953	32.440.099.033
Cộng	28.234.234.953	32.440.099.033

34 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	233.408.609.588	178.861.505.741
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.185.427.947.045	1.143.136.377.829
- Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh khác	125.309.091	160.309.092
Cộng	1.418.961.865.724	1.322.158.192.662

35 Giá vốn hàng bán

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Giá vốn hàng hóa đã bán	216.124.189.110	161.476.868.904
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.282.037.486.999	1.276.770.218.162

- Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác

Cộng

813.232.005	1.122.792.607
1.498.974.908.114	1.439.369.879.673

36 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.464.709.114	3.375.078.158
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.325.998.158	7.301.736.282
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.238.211	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	327.494
Cộng	6.792.945.483	10.677.141.934

37 Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Chi phí lãi vay	11.316.630.078	22.621.410.363
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.608.483.043	10.619.362.050
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.870.664.100	18.498.565.365
- Chi phí tài chính khác	173.494	346.786
Cộng	36.795.950.715	51.739.684.564

38 Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Chi phí nhân viên	1.787.393.741	1.712.164.394
- Chi phí vật liệu, bao bì	18.392.425	15.907.157
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	30.717.721	14.969.006
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	2.572.475
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.064.555.455	10.543.751.416
- Chi phí bằng tiền khác	530.091.567	450.164.096
- Chi phí hoa hồng môi giới	13.009.251.361	16.420.534.235
Cộng	24.440.402.270	29.160.062.779

39 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Chi phí nhân viên quản lý	33.499.751.600	33.347.812.601
- Chi phí vật liệu quản lý	352.169.628	435.814.702
- Chi phí đồ dùng văn phòng	185.707.263	249.373.398
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.926.978.779	2.983.196.600

- Thuế, phí và lệ phí	1.114.814.983	1.168.670.142
- Chi phí dự phòng	718.667.424	3.261.292.177
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.569.656.210	4.572.140.018
- Chi phí bằng tiền khác	7.307.935.930	4.545.298.246
Cộng	49.675.681.817	50.563.597.884

40 Thu nhập khác

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	5.636.364	89.718.534.544
- Thu nhập khác	1.240.612.133	1.365.463.208
+ <i>Thu nhập khác</i>	<i>1.240.612.133</i>	<i>1.365.463.208</i>
Cộng	1.246.248.497	91.083.997.752

41 Chi phí khác

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Giá trị còn tài sản cố định	-	69.516.347.209
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.315.859.791	6.836.402.269
- Chi phí khác	503.308.962	226.228.731
+ <i>Chi phí khác</i>	<i>503.308.962</i>	<i>226.228.731</i>
Cộng	1.819.168.753	76.578.978.209

42 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(184.705.051.965)	(223.492.870.761)
- Thu nhập tính thuế	2.595.147.867	1.119.494.732
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	567.706.671	289.035.864
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước vào năm nay	-	-
Cộng thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	567.706.671	289.035.864

43 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Thuế thu nhập hoãn lại các khoản chênh lệch tạm thời	(41.035.671.658)	(64.124.908)
Cộng	(41.035.671.658)	(64.124.908)

44 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(144.237.086.978)	(223.717.781.717)
- Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ đông phổ thông	(144.786.575.327)	(223.656.134.919)
- Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	58.999.337	58.999.337
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.454.04)	(3.790.82)

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**45 Công cụ tài chính****1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện việc quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) với thặng dư vốn cổ phần, trừ (-) đi cổ phiếu quỹ (nếu có).

2 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền	20.461.877.891	20.461.877.891
- Tương đương tiền	32.000.000.000	32.000.000.000
- Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	87.894.500.409	78.866.329.504

3 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân giá mua vào các ngân hàng giao dịch tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư tại ngày 31/12/2014

- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	2.095.664.624.604
- Phải trả người bán	177.861.211.984
- Phải trả khác	27.333.772.379

4 Quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên liệu, hàng hoá, công cụ, dụng cụ từ các nhà cung cấp trong nước và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán nguyên liệu, hàng hoá, công cụ, dụng cụ. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các nước và khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
- Phải trả người bán	176.366.129.079	-	1.495.082.905
- Khoản vay	202.360.834.580	1.840.963.048.909	-
- Khoản nợ	-	52.340.741.115	-
- Phải trả khác	18.929.183.201	8.404.589.178	-
Cộng	397.656.146.860	1.901.708.379.202	1.495.082.905

5 Tài sản đảm bảo

- Đối với khoản vay ngắn hạn: Xem thuyết minh số 18.
- Đối với khoản vay dài hạn: Xem Thuyết minh số 27 và Thuyết minh số 12.

46 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Ngày 14/01/2015, Công ty đã ký Hợp đồng bán tàu VTC Sky theo hợp đồng số 10/HĐMBT.VTC SKY, giá trị hợp đồng 142 tỷ đồng bao gồm cả thuế, người mua là Công ty CP Vận tải và Thương mại Quốc tế. Công ty đã giao tàu cho người mua vào ngày 30/01/2015 tại Cảng Xoài Rạp - Tp Hồ Chí Minh.
- Ngoại trừ thông tin nêu trên, kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Thông tin về các bên liên quan

1 Thu thập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu thập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau :

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
Tiền lương và thù lao được hưởng	3.924.756.077	3.778.476.871
Hội đồng quản trị:	1.311.080.274	1.271.849.971
Ông Huỳnh Hồng Vũ	846.344.922	789.614.976
Ông Trương Đình Sơn	128.202.852	123.782.219
Ông Huỳnh Nam Anh	112.177.500	108.309.444
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	112.177.500	108.309.444
Ông Nguyễn Minh Cường	112.177.500	108.309.444
Bà Tô Thị Thu Vân	-	33.524.444

Ban Kiểm soát	272.431.068	263.037.220
Bà Nguyễn Thị Hiền	112.177.500	74.785.000
Bà Nguyễn Thị Băng Tâm	80.126.784	77.363.888
Bà Hoàng Thị Thanh Phương	80.126.784	53.417.856
Bà Vũ Minh Phượng	-	33.524.444
Bà Lê Thị Hồng Ánh	-	23.946.032
Ban điều hành	2.341.244.735	2.243.589.680
Ông Trương Đình Sơn	543.103.085	552.788.640
Ông Huỳnh Nam Anh	511.341.422	447.997.280
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	486.329.934	447.997.280
Ông Dương Đình Ninh	451.673.217	447.997.280
Bà Mai Thị Thu Vân	348.797.077	346.809.200

2 Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Vũng Tàu,	Chi nhánh công ty
- CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng	Chi nhánh công ty
- CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Quy Nhơn	Chi nhánh công ty
- Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC)	Chi nhánh công ty
- Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)	Công ty con
- Công ty CP Cung ứng DV hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
2.1 Mua hàng hóa, dịch vụ		
- Trung tâm đào tạo, môi giới và XK thuyền viên Phía Nam <i>Cho thuê thuyền viên</i>	10.145.268.000	11.138.285.000
- CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Vũng Tàu <i>Dịch vụ đại lý tàu</i>	89.568.880	134.785.574
- CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Bình Định <i>Dịch vụ đại lý tàu</i>	-	-
- Công ty TNHH MTV SC tàu biển Phương Nam (SSR) <i>Dịch vụ sửa chữa tàu</i>	4.992.600.494	3.410.095.060
- Công ty CP Cung ứng DV Hàng hải và XNK Phương Đông <i>Dịch vụ sửa chữa tàu</i>	1.405.179.775	1.455.630.524
<i>Cung cấp vật tư</i>	1.454.539.550	1.141.336.840
<i>Dịch vụ đại lý tàu</i>	400.680.350	311.820.843

2.2 Bán hàng hóa, dịch vụ

- Văn phòng Hà Nội		
<i>Phí dịch vụ hành chính</i>	72.000.000	72.000.000

2.3 Công nợ phải trả

- Công ty TNHH MTV SC tàu biển Phương Nam (SSR)		
<i>TK131 SSR/ 331 VTC</i>	5.500.401.266	3.955.357.679
<i>TK 138 SSR/ 338 VTC</i>	1.058.117.463	-
- Công ty CP Cung ứng DV Hàng hải và XNK Phương Đông		
<i>TK 131 PDIMEX/ 331 VTC</i>	1.126.295.093	8.432.555.497
<i>TK 138 PDIMEX/ 338 VTC</i>	2.120.851.882	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận

Các khoản công nợ phải thu không có đảm bảo và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

47 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K

48 Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

49 Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày là khác nhau.

50 Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	88.45%	87.96%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	11.55%	12.04%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	90.63%	88.64%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	9.04%	11.06%
2 Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1.103	1.128
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0.661	0.529
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.115	0.086

3 Tỷ suất sinh lời**3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)**

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-13,02%	-16,90%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-10,16%	-16,92%

3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-6,87%	-8,09%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-5,36%	-8,10%



Lê Kim Phụng

Lập biểu

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015



Mai Thị Thu Vân

Kế toán trưởng



Trương Đình Sơn

Tổng Giám đốc

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	23.679.098.263	3.937.125.399	3.738.106.819.782	6.002.998.377	-	3.771.726.041.821
- Mua trong năm	-	-	-	31.910.000	-	31.910.000
Cộng	-	-	-	31.910.000	-	31.910.000
Số dư cuối năm	23.679.098.263	3.937.125.399	3.738.106.819.782	6.034.908.377	-	3.771.757.951.821
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.240.560.879	2.018.426.781	1.384.040.300.165	3.827.964.177	-	1.401.127.252.002
- Khấu hao trong năm	1.277.145.131	692.323.118	217.492.583.479	749.023.888	-	220.211.075.616
Cộng	1.277.145.131	692.323.118	217.492.583.479	749.023.888	-	220.211.075.616
Số dư cuối năm	12.517.706.010	2.710.749.899	1.601.532.883.644	4.576.988.065	-	1.621.338.327.618
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu năm	12.438.537.384	1.918.698.618	2.354.066.519.617	2.175.034.200	-	2.370.598.789.819
- Tại ngày cuối năm	11.161.392.253	1.226.375.500	2.136.573.936.138	1.457.920.312	-	2.150.419.624.203

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ HH đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: (*) 2.134.675.024.748

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 6.943.392.929

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý, không cần dùng: -

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ HH có giá trị lớn chưa thực hiện: -

	Vốn đầu tư CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Quỹ ĐTPT	Quỹ dự phòng TC	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa PP	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	589.993.370.000	88.258.000	-	5.019.466.659	5.055.589.742	4.889.309.186	(75.818.659.893)	529.227.333.694
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	306.000.000	29.597.546	31.155.311	-	-	366.752.857
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	142.985.229	150.510.768	1.079.510.345	333.008.150	1.706.014.492
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	994.284.628	749.362.254	1.743.646.882
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	223.717.781.717	223.717.781.717
- Giảm khác	-	-	-	155.809.846	164.010.364	-	(53.337.312)	266.482.898
Số dư cuối năm trước	589.993.370.000	88.258.000	306.000.000	5.036.239.588	5.073.245.457	4.974.534.903	(299.899.458.402)	305.572.189.546
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	673.064.991	75.576.966.810	76.250.031.801
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	144.237.086.978	144.237.086.978
- Giảm khác	-	-	-	-	-	748.681.965	549.488.349	1.298.170.314
Số dư cuối năm	589.993.370.000	88.258.000	306.000.000	5.036.239.588	5.073.245.457	4.898.917.929	(369.109.066.919)	236.286.964.055

LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư CSH	Quỹ ĐTPT	Quỹ dự phòng TC	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa PP	Tổng cộng
Tổng vốn của chủ sở hữu	18.540.000.000	359.588.844	378.514.572	-	1.145.052.012	20.423.155.428
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	10.506.000.000	203.778.998	214.504.208	-	648.900.975	11.573.184.181
Lợi ích cổ đông thiểu số	8.034.000.000	155.809.846	164.010.364	-	496.151.037	8.849.971.247

BÁO CÁO BỘ PHẬN*Năm tài chính 2014***1 Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động kinh doanh vận tải biển đồng	Hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác đồng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp đồng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	968.330.661.316	450.631.204.408	1.418.961.865.724
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.126.857.941.889	476.236.055.544	1.603.093.997.433
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(158.527.280.573)	(25.604.851.136)	(184.132.131.709)
Tài sản bộ phận trực tiếp	2.578.670.089.446	27.645.737.222	2.606.315.826.668
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	2.578.670.089.446	27.645.737.222	2.606.315.826.668
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.353.010.410.056	14.573.921.928	2.367.584.331.984
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	2.353.010.410.056	14.573.921.928	2.367.584.331.984

2 Theo khu vực địa lý

	Quốc tế đồng	Trong nước đồng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp đồng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	936.213.956.313	482.747.909.411	1.418.961.865.724
Tài sản bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả bộ phận	109.621.408.798	2.257.962.923.186	2.367.584.331.984

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được đăng tải trên website chính thức của Công ty, Mục Quan hệ cổ đông

<http://www.vitranschart.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cai-tai-chinh>



Xác nhận của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty